

HỌC VIỆN QUỐC GIA HÀNH CHÍNH

LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

QUI-CHẾ CHÁNH-ĐẢNG

HIỆN HÀNH TẠI

VIỆT-NAM CỘNG HÒA

THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP
LVHG 385

THƯ VIỆN QUỐC GIA
VIỆT-NAM
Số 0385

Giáo-sư hướng dẫn
ĐÀO - QUANG - HUY
Tiến sĩ : Tư pháp

Sinh - Viên
NGUYỄN-ĐÌNH-HỒNG
BAN ĐỐC SỰ HÀNH-CHÁNH

1970 — 1973

"Đạo Đức Quý Gia Hành Chính
không chỉ là đạo đức cũng không phải là
những gì khác biệt giữa Đạo Đức
Đạo Đức và Đạo Đức là đạo đức hành động
chỉ là đạo đức hành động"

THÀNH KÍNH TRĨ AN

Giáo Sư **ĐÀO QUANG HUY**
TIỀN SĨ TỰ PHÁP

*đã tận tình hướng dẫn chúng tôi hoàn thành
Luận Văn này .*

***** KÍNH DÂNG HƯƠNG HỒN BA

Kính tặng MẸ

và NHỮNG NGƯỜI GIÚP ĐỠ TÔI *****

MỤC LỤC

DẪN NHẬP

1 . DIỄN TRÌNH QUI CHẾ CHÁNH ĐẢNG VIỆT NAM TỪ 1936 ĐẾN NAY.	1
2 . SỰ QUAN TRỌNG CỦA VAI TRÒ CHÁNH ĐẢNG TRONG SINH HOẠT CHÍNH TRỊ QUỐC GIA	5
3 . SỰ CẦN THIẾT CỦA MỘT PHÁP QUI CHÁNH ĐẢNG CHO VIỆT NAM CỘNG HOÀ	7

Chương I

PHÂN TÍCH QUI CHẾ CHÁNH ĐẢNG HIỆN HÀNH

I . <u>ĐOẠN 1</u> THÀNH LẬP VÀ HỢP THỨC HOÁ CHÁNH ĐẢNG	8
A. <u>Tiểu đoạn 1</u> - Thủ tục thành lập chánh đảng	9
1) Chế độ khai báo	9
2) Các điều kiện hợp lệ và bất hợp lệ	10
B. <u>Tiểu đoạn 2</u> - Thủ tục hợp thức hoá chánh đảng	11
1) Điều kiện để được hợp thức hoá	11
2) Mục đích của việc hợp thức hoá	13
3) Tầm quan trọng của việc hợp thức hoá	14
II . <u>ĐOẠN 2</u> SINH HOẠT CHÁNH ĐẢNG	15
A. <u>Tiểu đoạn 1</u> . Tính cách pháp lý của cuộc sinh hoạt chánh đảng	15
1) Tư cách pháp nhân của chánh đảng	15
2) Thẩm quyền sinh hoạt của chánh đảng	16
B. <u>Tiểu đoạn 2</u> . Tính cách chính trị của cuộc sinh hoạt chánh đảng	19
1) Vấn đề đổi lập chính trị	19
2) Qui chế chánh đảng và vấn đề đổi lập chính trị	19
3) Liên minh chánh đảng	20
III . <u>ĐOẠN 3</u> KIỂM SOÁT VÀ CHẾ TÀI	21
A. <u>Tiểu đoạn 1</u> . Kiểm soát	21
1) Vấn đề kiểm soát danh sách đảng viên	21

2) Vấn đề kiểm soát điều kiện hợp thức hóa	24
B. <u>Tiểu đoạn 2</u> . Chế tài	25
1) Vấn đề giải tán chính đảng	25
2) Các biện pháp chế tài	27

Chương 2

**THẨM ĐỊNH QUI CHẾ CHÍNH ĐẢNG TRONG
SINH HOẠT CHÍNH TRỊ QUỐC GIA**

I . <u>ĐOẠN 1</u> THẨM ĐỊNH CƠ CHẾ CHÍNH ĐẢNG	29
A. <u>Tiểu đoạn 1</u> . Cơ chế chính đảng trên lý thuyết	30
1) Khía cạnh pháp lý	31
2) Khía cạnh xã hội	34
3) Khía cạnh chính trị	35
B. <u>Tiểu đoạn 2</u> . Cơ chế chính đảng trong thực trạng	37
1) Hiện tượng phân hoá các chính đảng kỹ cù	37
2) Yếu tố tôn giáo trong cuộc sinh hoạt chính đảng	39
II . <u>ĐOẠN 2</u> NHỮNG TRỞ NGẠI TRONG VIỆC THỰC HIỆN QUI CHẾ CHÍNH ĐẢNG	41
A. <u>Tiểu đoạn 1</u> . Trở ngại về phía chính quyền	41
1) Thủ tục kiểm soát	41
2) Biện pháp chế tài	42
B. <u>Tiểu đoạn 2</u> . Trở ngại về phía chính đảng	42
1) Tài lực	42
2) Nhân lực	44
III . <u>ĐOẠN 3</u> QUI CHẾ CHÍNH ĐẢNG QUA CÔNG LUẬN	46
A. <u>Tiểu đoạn 1</u> . Chiều hướng giải thích của chính quyền	46
1) Mục tiêu hợp thức hoá chính đảng	47
2) Hệ thống hoá chính đảng	48

-iii-

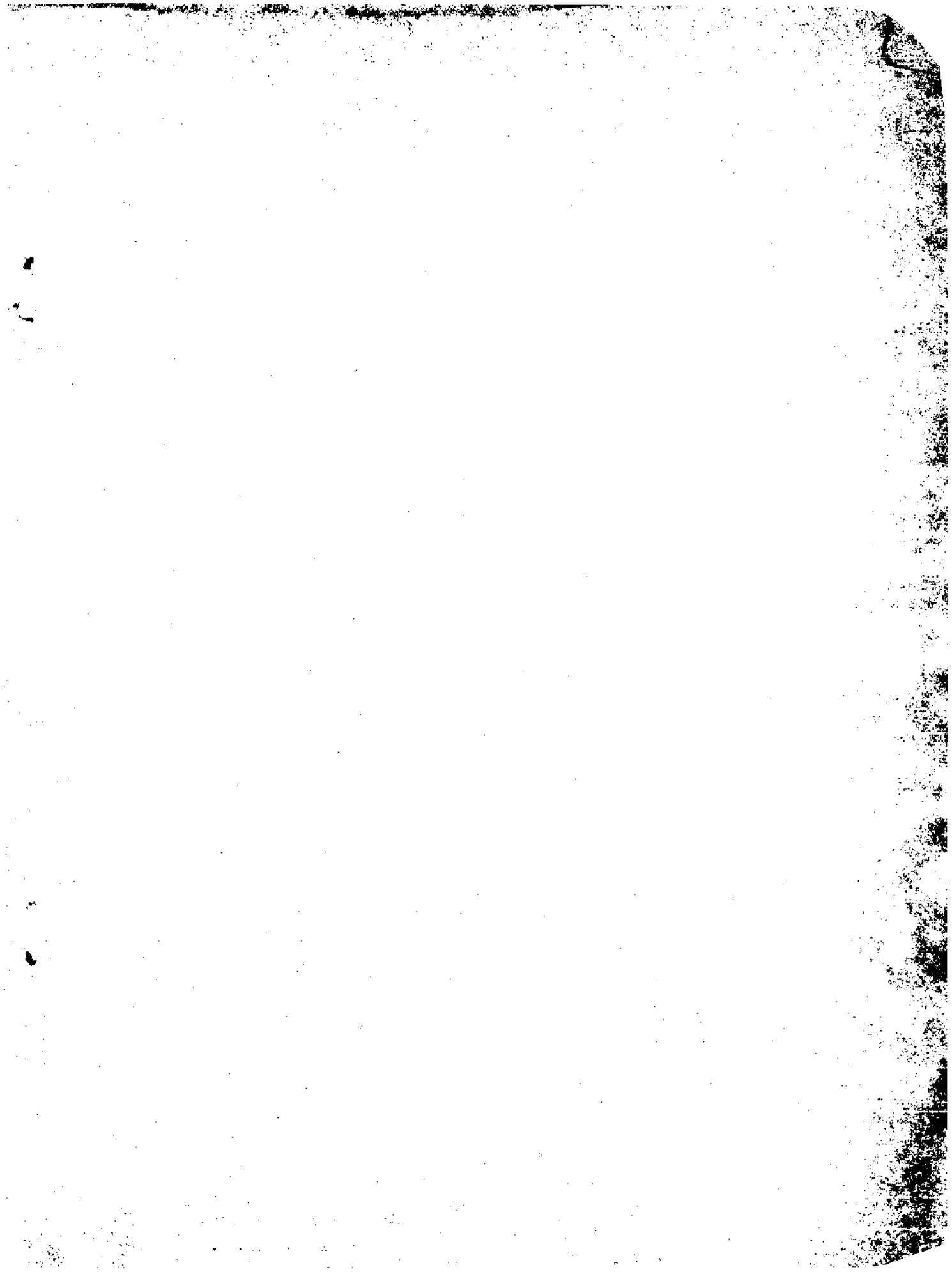
B. <u>Tiểu đoạn 2</u> . Thái độ của chính đảng	50
1) Thái độ ủng hộ	50
2) Thái độ chống đối	51
C. <u>Tiểu đoạn 3</u> . Dư luận quần chúng	53
1) Dư luận thuận lợi	53
2) Dư luận bất thuận lợi	54

KẾT LUẬN

QUI CHẾ CHÁNH ĐẢNG VÀ VẤN ĐỀ
ĐẦU TRANH CHÍNH TRỊ

57





DÂN NHẬP

THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

Ngày nay chính đảng đang đóng vai trò quan trọng nòng cốt trong sinh hoạt chính trị Quốc Gia. Mặc dù dưới chế độ dân chủ, hoặc chế độ độc tài đảng trị, chính đảng cũng luôn luôn hiện hữu dưới hình thức này hay hình thức khác. Do đó vấn đề được đặt ra ở đây không phải là nói đến sự hiện hữu của chính đảng. Trái lại, điều quan trọng, chúng ta cần phải vạch ra là mối tương quan sinh hoạt chính trị của một quốc gia đối với hệ thống chính đảng như thế nào?

Riêng Việt Nam Cộng Hòa, trong hoàn cảnh chính trị đặc biệt hiện nay, chính quyền đã ban hành một quy chế chính đảng và những Sắc Luật tu chính quy chế đó khiến cho những người lưu tâm chính trị không khỏi lầy lẫm thắc mắc, lo âu, cho tương lai của chính đảng. Trong chiều hướng đó, chúng ta thử tìm hiểu, phân tích tầm ảnh hưởng của những qui tắc đối với cuộc sinh hoạt chính đảng như thế nào?

I. DIỄN TRÌNH QUY CHẾ CHÍNH ĐẢNG VIỆT NAM.

A. GIAI ĐOẠN TRƯỚC CÁCH MẠNG 1963

Nói đến chính đảng trong sinh hoạt chính trị quốc gia Việt Nam, chúng ta có thể khởi đầu công việc cui xét từ khi người Pháp đặt chân lên đất nước này. Kể từ đó những người Việt Nam yêu nước đã lần lượt đứng lên tạo lập đoàn thể chính trị dưới hình thức này hay hình thức nọ nhằm mục đích đánh đuổi thực dân, tranh thủ độc lập. Lực lượng đầu tiên thể hiện chiêu bài khôi phục vương quyền là Phong Trào Cần Vương, thế rồi từ đó cuộc nổi dậy của sĩ phu Việt Nam lần lượt xuất hiện khắp ba miền với hình thức võ trang, bạo động hay ôn hòa. Tất cả những hình ảnh đó là hình thức đầu tiên của hoạt động chính đảng Việt Nam. Tuy nhiên, để cập đến vấn đề một pháp chế cho chính đảng Việt Nam, chúng ta phải bắt đầu từ năm 1936.

* Luật 1911 của Pháp: Năm 1936, Mặt Trận Bình Dân lên nắm chính quyền tại Pháp đã tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc

tranh đấu công khai ở Việt Nam. Chính quyền thuộc địa thời ấy đã áp dụng một chính sách dè dặt cho dân bản xứ. Tại Nam Phần Việt Nam Chính phủ Pháp thời bấy giờ đã cho áp dụng Luật 1911 của Pháp cho các hiệp hội của người Pháp và các người ngoại quốc khác. Hơn thế nữa, người Pháp cũng đã nói rộng quyền tự do ngôn luận, tự do hội họp. Lợi dụng cơ hội này, một số nhà cách mạng Việt Nam công khai đứng ra hoạt động lập đảng; chúng ta có thể kể đảng Dân Chủ của Bác Sĩ Nguyễn Văn Thỉnh, Phong Trao Lập Hiến của Ông Bùi Quang Chiêu và Nguyễn Phan Long. Tiếc thay cơ may hoạt động công khai của chính đảng Việt Nam thời bấy giờ cũng đã tàn lụi theo sự cáo chung của Hết Trần Bình Dân Pháp; tiếp theo thời gian ngắn ngủi để thổ này, chính đảng Việt Nam quay trở lại hoạt động bí mật lúc band đầu hầu tránh sự đàn áp của chính quyền thực dân. Đến mãi đến năm 1950, văn kiện pháp lý đầu tiên ra đời chi phối chính đảng Việt Nam; đó là Du số 10 ngày 6-8-1950.

* Du số 10 ngày 6-8-1950 : Văn kiện pháp lý này được Quốc Trưởng Bảo Đại ban hành, một văn kiện được mô phỏng theo Luật 1911 của Pháp. Tuy nhiên, bản văn đã đi ngược lại tinh thần dân chủ, nó chỉ thể hiện sự khắt khe, thể hiện tinh thần thực dân của Pháp lúc bấy giờ coi chính đảng là một mối đe dọa thường xuyên chính quyền. Du số 10 hạn chế tối đa việc thành lập đảng bằng cách dành cho chính quyền cấp hay không cấp giấy phép hoạt động cho một đảng. Hơn nữa chính quyền cũng được phép rút giấy phép bất cứ lúc nào. Ngoài ra còn bắt đảng phái phải nộp danh sách đảng viên và tường trình tình hình tài chính của đảng bất cứ lúc nào. Tóm lại Du số 10 xuất hiện chẳng qua chỉ để tạo một cái khung cho chính quyền nhốt đảng phái, chủ thật ra chẳng giúp ích gì cho đảng phái Việt Nam lúc bấy giờ.

* Thời Đệ Nhất Cộng Hòa : Dựa vào tinh thần khắt khe lúc bấy giờ, nhà cầm quyền tuyên bố vẫn duy trì Du số 10 và không chấp nhận đời lập. Bởi thế một lần nữa đảng phái Việt Nam lại phải hoặc rút lui vào vòng hoạt động bí mật hoặc tan rã, điển hình một vài chiến khu như Ba Lũng, Nam Ngãi do các đảng Đại Việt và Việt Nam Quốc Dân đã lập nên và đã bị chính quyền đương thời huy diệt.

B. GIẢI ĐOẠN SAU CÁCH MẠNG 1963.

* Thông cáo của Bộ Nội Vụ ngày 28-1-1964 : Sau một thời gian dài bị dồn nén, hãm kẹp, đảng phái Việt Nam như lang được hồi sinh với nhịp sống dân chủ sau ngày cách mạng 1-11-1963. Ý thức được tầm quan trọng của chính đảng trong sinh hoạt dân chủ sau khi lật đổ chế độ độc tài của Ngô Đình Diệm, chính quyền đương thời lúc bấy giờ đã lưu tâm nhiều tới vấn đề chính đảng. Sự lưu tâm này được thể hiện qua Thông Cáo ngày 28-1-1964 của Bộ Nội Vụ.

Theo tinh thần thông cáo thí dụ số 10 bị hủy bỏ và chính phủ hứa trong tương lai sẽ ban hành một qui chế chính đảng; đồng thời, trong thời gian chờ đợi một qui chế chính đảng chính phủ tạm áp dụng những biện pháp sau đây : Cho phép chính đảng và các đoàn thể chính trị Quốc Gia được hoạt động công khai sau khi đã nạp tổ khai tại Bộ Nội Vụ và được chấp thuận. Xét rằng, thủ tục khai báo tại Bộ Nội Vụ theo tinh thần Thông Cáo ngày 28-1-1964 có phần dễ dãi hơn Dự số 10. Tuy nhiên có lẽ vì chính quyền ngại sự hoạt động quĩ trốn của các chính đảng sau một thời gian bị dồn ép cho nên chính quyền cũng đã nắm vai trò quyết định bằng phương thức khước từ cấp biên nhân cho người khai báo, viện lẽ những người này không có quyền hoạt động đảng phái, không cần viên dẫn lý do hoặc bằng chứng đích thực.

* Thời chính phủ Nguyễn Khánh : Băng vào cuộc chính lý ngày 30-1-1964, chính phủ NGUYỄN KHÁNH thay thế chính phủ NGUYỄN NGỌC THỎ. Trong Hội Các lúc bấy giờ có sự hiện diện của các chính khách đảng phái như Ông NGUYỄN HOÀ HIỆP, NGUYỄN TÔN HOÀN, TRẦN VĂN TUYẾN, v.v.. Có lẽ vì chịu ảnh hưởng của các chính khách đảng phái chính quyền đã triệu tập một Đại Hội tại Hội Trường Viễn Hồng để thảo luận về quy chế chính đảng, Thành phần tham dự gồm 113 vị đại diện của các đảng phái tôn giáo. Đại hội đã bầu 8 vị vào Ủy Ban Liên Bộ do chính phủ chỉ định để lo việc soạn thảo quy chế chính đảng. Nhưng, hai tháng thảo luận Ủy Ban này đã không đem đến kết quả mong muốn; vì nhiều bất đồng ý kiến. Công việc bị bỏ dở sau khi Nguyễn Khánh ra đi.

* Thời Nội Các Chiến Tranh (Chính Phủ NGUYỄN CAO KỶ)

Trong thời kỳ Nội Các Chiến tranh, dự luật về quy chế chánh đảng được Tổng Bộ An Ninh đem ra thảo luận tại Hội Đồng Dân Quân trong khóa họp 12/66 và 1/67. Theo như dự luận của Hội Đồng Dân Quân xuyên qua Ủy Ban Quản Trị thì bản dự luật này có vẻ rộng rãi, nhưng có nhiều điểm khắt khe hơn Dự số 10.70 đó dự luật đã được đề nghị sửa đổi cho cởi mở hơn để thích ứng với dã tâm hóa của nền dân chủ. Trong tất cả 6 Chương, 28 điều của bản Dự luật có một điểm chúng ta cần ghi nhớ là dự luật cho phép mọi công dân từ 18 tuổi trở lên được quyền gia nhập đảng mà không có sự cấm cản nào; ngay đối với quân nhân hoặc công chức cũng vậy. Cũng số phần bản Dự luật của thời Nguyễn Khánh, bản Dự luật này cũng bị gác qua một bên, sau nhiều lần thảo luận và biểu quyết.

* Thời hình thành Quốc Hội Lập Hiến 1966

Trong khi đảng phái đang độ phân hóa sau những lần tham chính thì cuộc nổi dậy chống chính phủ của Phật giáo miền Trung năm 1966 đã đưa dự luận đến chỗ bất tín nhiệm chính quyền quân nhân và đòi hỏi một chế độ dân chủ thật sự. Trước áp lực của dự luận một Đại Hội Chính Trị Toàn Quốc triệu tập từ ngày 12-4-1966 đến ngày 14-4-1966 đã kết thúc bằng một số đề nghị sau đây:

- Cần phải bầu cử Quốc Hội và Chính quyền dân cử;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho các chính đảng hoạt động để liên kết thành những khối lớn tại Quốc Hội.

Chiều theo Sắc Luật ngày 14-4-1966 của Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia, Quốc Hội Lập Hiến đã được bầu ngày 11-9-1966. Quốc Hội Lập Hiến khi nhận lãnh trách nhiệm cũng đã lưu tâm đến vấn đề tạo một nền tảng pháp lý cho chánh đảng Việt Nam. Theo những điều khoản gián tiếp của Hiến Pháp 1-4-1967 thì Quốc Hội lưu nhiệm có nhiệm vụ soạn thảo quy chế chánh đảng; nhưng một trở ngại đã xảy ra là các Dân Biểu của Quốc Hội lập kiến đang bận dự cuộc bầu cử Quốc Hội Lập Pháp nhiệm kỳ 1; hơn nữa, thời gian lưu nhiệm quá ngắn nên việc soạn thảo một quy chế chánh đảng lại một lần nữa không thành hình.

Đúng với tinh thần Hiến Pháp 1-4-1967, các thượng tầng cơ cấu Quốc gia đã lần lượt được thành lập. Tuy nhiên, vai trò của hạ tầng cơ sở và mọi sinh hoạt của các đoàn thể chính trị chưa được quan niệm đúng mức. Hình như lúc đầu, Tổng Thống có khuynh hướng đứng ngoài các đảng phái, sự kiện này trùng hợp với việc bổ nhiệm Ông NGUYỄN VĂN LỘC làm Thủ Tướng Chính phủ. Mỗi một thời gian sau, nhân cuộc gặp gỡ báo chí, Tổng Thống đã đề cập đến vấn đề chính đảng và kêu gọi các đảng phái đứng ra lãnh trách nhiệm đấu tranh chính trị với Cộng sản. Kể đến ngày 30-12-1967, trong cuộc tiếp tân nhân dịp Tết Dương Lịch tại Dinh Độc Lập, Tổng Thống đề cập lại vấn đề chính đảng. Điều này chứng tỏ mối lưu tâm của Chính phủ đối với đảng phái trong sinh hoạt chính trị Quốc gia.

Để thực hiện mối lưu tâm này, ngày 1-4-1968 Tổng Thống yêu cầu Quốc Hội xét theo thủ tục khẩn cấp dự luật về quy chế chính đảng và đổi lập chính trị. Sau một thời gian thảo luận và biểu quyết của Quốc Hội, Dự luật về quy chế chính đảng và đổi lập chính trị được chuyển sang Hành Pháp để Tổng Thống ban hành ngày 19-6-1969 dưới danh nghĩa Luật số 009/69 ấn định quy chế chính đảng và đổi lập chính trị.

Tình hình chính trị tại miền Nam Việt Nam luôn biến chuyển theo chiến cuộc, cho nên đề thích nghi hóa với tình thế mới ngày một biến đổi. Do đó một lần nữa Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa đã ban hành Sắc Luật số 0012-TT/SLU ngày 16-9-1972 và số 006-TT/SLU ngày 27-12-1972 để tu chỉnh luật số 009/69 ấn định quy chế chính đảng và đổi lập chính trị.

II . SỰ QUAN TRỌNG CỦA VAI TRÒ CHÍNH ĐẢNG TRONG SINH HOẠT CHÍNH TRỊ QUỐC GIA .

Trong thời Quân chủ chuyên chế, số phận Quốc Gia nằm gọn trong tay một thiểu số lãnh đạo, mọi hoạt động chính trị được coi là đặc quyền của dòng dõi quý tộc, giáo sĩ. Hình thức này ngày nay không còn nữa, các Quốc gia đã đi vào con đường sinh hoạt dân chủ, công nhận người công dân có quyền hoạt động chính trị và tranh thủ

chính quyền. Chính sự tham gia của đông đảo quần chúng vào đời sống chính trị Quốc gia đã tạo nên một hiệu năng tốt đẹp và chính đảng cho việc thực thi dân chủ. Trong chiều hướng phát triển Quốc Gia chính đảng đã nắm một vai trò quan trọng trong sinh hoạt, chính đảng là định chế trung gian năng động, một dụng cụ ưu thế có những vai trò sau :

* Tạo ý chí chung : Trong đời sống xã hội khuynh hướng lập trường chính trị cá nhân thường hay mâu thuẫn và đôi khi mâu thuẫn nhau. Vì thế cho nên chính đảng có nhiệm vụ gộp nhặt những ý tưởng tản mát để hệ thống hóa thành một chủ thuyết tổng quát trong một chương trình hành động thực tiễn. Chính sự tổng quát hóa những ý tưởng riêng tư xung đột thành mục tiêu tranh đấu là hình thức tạo ý chí chung cho một nhóm người .

* Vai trò giáo dục và thông tin : Hoạt động chính trị là dung hòa giữa học thức và điều hành. Chính đảng đã đem lại cho đảng viên một số kiến thức lý thuyết và kinh nghiệm thực hành; cho nên chính đảng là nơi huấn luyện và đào tạo những cấp lãnh đạo chính trị ưu tú tương lai .

Ngoài ra chính đảng còn có nhiệm vụ giáo dục và thông tin cho cử tri. Trước hết chính đảng đòi hỏi cử tri gạt bỏ mọi đòi hỏi cá nhân riêng rẽ để đặt yêu sách chung của xã hội mà cá nhân là một phần tử. Vai trò của chính đảng là giải thích cho cá nhân rõ sự hy sinh của mình, và quy tụ được nhiều thành phần trong xã hội nên chính đảng có ưu điểm là hội nhập những quyền lợi riêng tư của mọi tầng lớp trong một quan điểm chính trị tổng quát .

* Vai trò kỷ luật : Trong chế độ dân chủ, sự điều hành ít được chặt chẽ nên thường dễ đi đến sự hỗn loạn. Sự hỗn loạn có thể dễ xảy ra nhất khi các lực lượng cử tri ở Quốc Hội bị phân tán. Do đó, chính đảng với kỷ luật đặt các vị dân cử dưới sự chỉ huy của tổ chức .

Hình thức kỷ luật đảng được thể hiện trong việc dễ cử ứng cử viên lập pháp hay hành pháp và đồng thời bảo đảm sự thắng tiến dễ dàng cho một vài thành phần trong xã hội. Để thực hiện nhiệm

vụ này, sự đòi hỏi ở chính đảng là sự tổ chức vững chắc để duy trì kỷ luật trong hàng ngũ.

* Vai trò liên lạc trung gian giữa chính quyền và quần chúng:

Chính đảng xuất hiện như một tình chế liên lạc hai chiều cần thiết giữa quần chúng và chính quyền trong tất cả những chế độ dân chủ. Sự thiết lập một chính quyền phải dựa trên dư luận qua trung gian hiện hữu của chính đảng hầu tổ chức dư luận và bầu cử tự do. Nếu không có bầu cử tự do với sự tham dự của đảng phái, đó chẳng qua là sự chỉ định cá nhân với một chính sách gờ bó độc tài.

Tóm lại, chính đảng là hạ tầng kiến trúc của chế độ dân chủ, định chế hoá nên dân chủ. Tuy nhiên, chính đảng cũng còn là kiến trúc của chế độ độc tài tâm thức; vì chế độ này cũng dựa trên yếu tố quần chúng. Vậy, chính đảng là định chế cần thiết để tổ chức quần chúng trong mọi chế độ.

III . SỰ CẦN THIẾT CỦA MỘT PHÁP QUI CHÍNH ĐẢNG CHO VIỆT NAM CỘNG HÒA .

Khác với các nước Tây Phương, chính đảng ra đời trong khuôn khổ pháp lý đấu tranh của chế độ dân chủ, tranh đấu giành quyền dân tộc tự quyết. Trái lại, đảng phái Việt Nam đã ra đời trong sự bí mật với mục tiêu khuyến đảo chính quyền bằng bạo động và cách mạng. Sở dĩ có tình trạng này là do sự thiếu hưởng một di sản của thực dân và độc tài. Bởi thế cho nên, việc ta lập một pháp qui cho chính đảng Việt Nam là một điều tối quan trọng hầu đưa đảng phái ra hoạt động công khai, tránh cho người dân một thanh kiến không đẹp về chính đảng. Chúng ta có thể đào sâu vấn đề qua những quan niệm sau:

A . QUAN NIỆM NÊN CÓ MỘT NỀN PHÁP QUI CHO CHÍNH ĐẢNG .

Những người cho rằng có cần một nền pháp quy cho chính đảng Việt Nam đã đưa ra những nguyên tắc sau để bênh vực quan niệm của mình .

* Dựa Chánh đảng ra hoạt động công khai : Từ trước đến nay nhất là trong thời gian gần đây, danh từ chánh đảng đã trở nên quen thuộc, nếu không muốn nói là nhàm chán đối với dân chúng miền Nam. Tuy nhiên, chúng ta phải thừa nhận rằng, vì không có một bảo đảm nào chắc chắn cho nên chánh đảng đã không dám xuất đầu lộ diện mà chỉ hoạt động trong vòng bí mật. Do đó, một pháp quy chánh đảng với những bảo đảm pháp lý căn bản sẽ dựa chánh đảng ra hoạt động công khai trong một nền dân chủ.

* Tránh sử dấn áp mua chuộc của chính quyền đối với chánh đảng : Một khi qui chế chánh đảng ra đời, các điều khoản minh định nghĩa vụ quyền lợi của chánh đảng cũng như quy định mối tương quan giữa chính quyền và chánh đảng. Do đó mọi sự dấn áp, mua chuộc của chính quyền đối với một vài chánh đảng có thể tránh được phần nào. Sự bảo đảm này là sự bảo đảm pháp lý của tinh thần dân chủ.

* Xóa bỏ được thành kiến không tốt của dân chúng đối với chánh đảng : Vì hoạt động bí mật, với khuynh hướng bao đồng và chống đối, cho nên chánh đảng Việt Nam thường bị chính quyền dấn áp. Bởi thế khi nghĩ đến chánh đảng, người dân thường có thành kiến không mấy đẹp. Họ cho rằng hoạt động đảng phái là phải mang tai họa và phiến phúc. Do đó, khi ra hoạt động công khai với một pháp quy vững chắc, rõ ràng với những bảo đảm pháp lý căn bản thì thành kiến không đẹp mà người dân đã gán cho đảng phái sẽ theo thời gian đi vào lãng quên.

* Tạo đảng có thực lực để đi dân lưỡng đảng : Một khi đã ra hoạt động công khai đảng phái sẽ áp dụng những phương thức để phát triển. Do đó, với một thời gian ngắn, những những đảng chân chính sẽ tạo được một ảnh hưởng lớn, những đảng mạt sẽ tiêu tan, từ đó hy vọng chế độ lưỡng đảng sẽ thành hình.

B. QUAN NIỆM CHỐNG ĐỐI MỘT NỀN PHÁP QUY CHO CHÁNH ĐẢNG.

Trái với quan niệm căn cơ một nền pháp quy cho chánh đảng Việt Nam, một số người đã đưa ra quan niệm là không nên tạo một pháp qui cho chánh đảng. Họ nêu lên những lý lẽ sau :

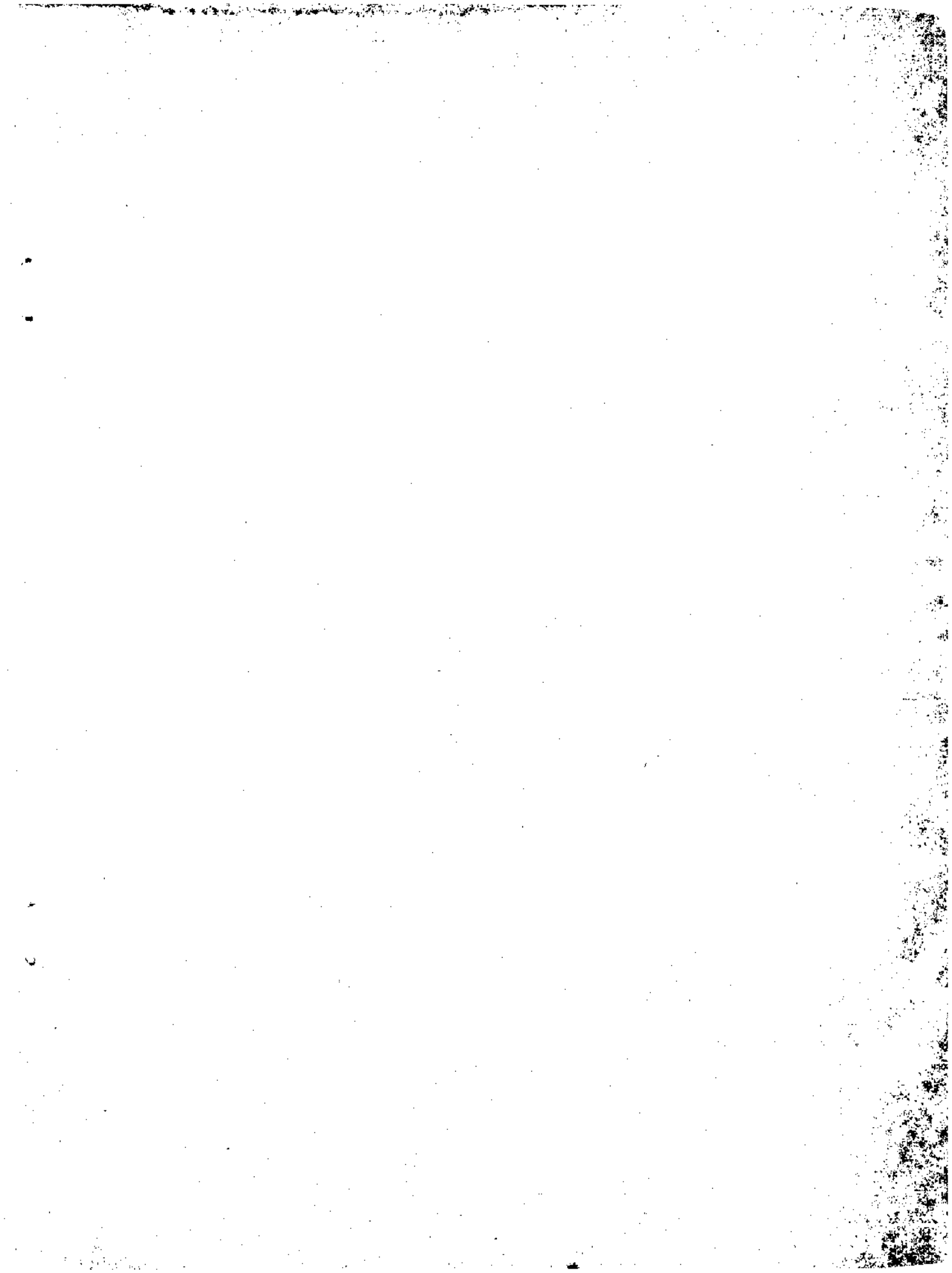
- Tất cả những nước dân chủ lâu đời trên thế giới không một nước nào có một pháp quy ấn định sự sinh hoạt chính đảng, như thế tại Việt Nam không cần phải tạo một quy chế chính đảng. Riêng tại Đại Hàn và Việt Nam đã có quy chế chính đảng, quy chế này đã phát xuất từ các quốc gia dân chủ chậm tiến. Như thế đã phản ảnh một mô thức không tốt đẹp trong nền sinh hoạt dân chủ, một pháp quy chính đảng ra đời, một cái khung bó chặt sự sinh hoạt của chính đảng.

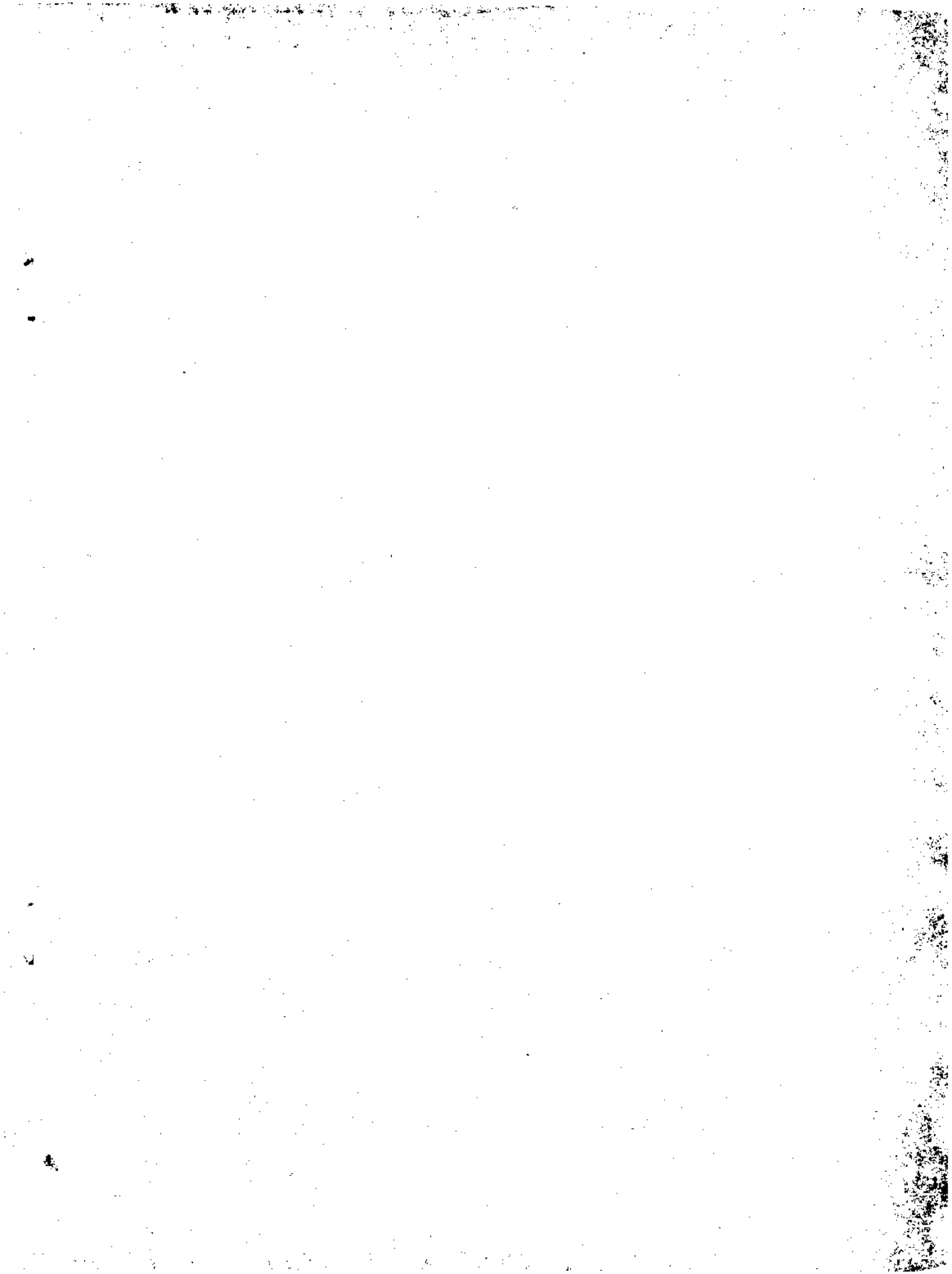
- Tại Việt Nam đã có Dự số 10 ngày 6-8-1950 về Hiệp hội như vậy chúng ta chỉ cần chi tiết hóa Dự đó cho dễ mở hơn và bao gồm phân chính đảng hơn là tạo thêm một quy chế chính đảng, khiến việc thêm rắc rối.

- Đảng phái là một hiện tượng của xã hội, lo đó sự tồn tại hay tan rã đều tùy thuộc vào môi trường sinh hoạt chính trị, chứ không tùy thuộc vào một nguyên tắc pháp lý nào cả.

Tóm lại, khi phân tích những quan niệm đối nghịch nhau về sự cần thiết của một pháp quy chính đảng cho Việt Nam Cộng Hòa chúng tôi nhận thấy rằng, với sự phân hóa trầm trọng của các chính đảng, với một nền chính trị luôn luôn xáo trộn, cũng như những nhu cầu đòi hỏi cấp bách của nền dân chủ đang giai đoạn tập tễnh, để sống còn với công sản, thì chúng ta nên có một pháp quy cho chính đảng Việt Nam. Hiểu được sự cần thiết đó, cho nên chính quyền đã ban hành Luật số 009/69 ngày 19-6-1969 ấn định qui chế chính đảng và đổi lập chính trị và cuối năm 1972 để đáp ứng với tình hình chính trị của quốc gia, Tổng Thống đã ban hành Sắc Luật số 060-TT/SLU và Sắc Luật số 012-TT/SLU ngày 16-9-1972, tu chỉnh quy chế chính đảng và đổi lập chính trị.







Phân tích

Quy chế chính đảng hiện hành

Một quy-chế chính đảng hay hiệp-hội được áp-dụng dễ-dãi hay khắt-khe thường thể hiện qua việc quy định thành lập. Tại Việt-Nam theo những diễn-trình lịch-sử quy-chế chính đảng, chúng ta nhận thấy cho đến năm 1969 thì mới có một quy chế chính đảng thật sự ra đời và kế tiếp vào những ngày cuối năm 1972 vài sắc-luật được ban hành tu chỉnh quy-chế chính đảng và đổi-lập chính-trị.

Ngay từ khi còn là một dự thảo cũng như sau khi đã được ban hành, quy-chế chính đảng đã bị những lời chỉ trích sát-gao cũng như những lời bênh-vực tích-cực. Tuy nhiên, những lời chỉ trích sát-gao nhất đều đổ xô vào Sắc-Luật 060-TT/SLu được ban hành ngày 27-12-1972 tu chỉnh Luật số 009/69 về quy-chế chính đảng và đổi-lập chính-trị.

Những lời chỉ trích trên luôn luôn mang tính chất chủ quan nên không giúp ích gì cho những người ưu tư về chính-trị biết rõ hơn về chính đảng. Ở đây chúng tôi xin được phân-tích quy-chế chính đảng với các điều-khoản thành lập và sinh-hoạt dưới một lăng kính khách-quan và vô tư của một sinh-viên đứng ngoài đảng phái.

ĐOÀN I . THÀNH LẬP VÀ HỢP THỨC HÓA CHÍNH ĐẢNG

Chính đảng cũng như bất cứ một đoàn-thể nào đều cũng có sinh và có tử. Sự sinh tử luôn tùy thuộc vào hoàn-cảnh xã-hội hay quan-niệm của mỗi chế độ chính-trị của từng Quốc-gia.

- Với những nước mà truyền thống dân-chủ lâu đời thì sự thành hình một chính đảng đều không trải qua những giai-đoạn hành-chánh phức-tạp như khai báo, xin phép. Sự hình thành của đảng phái được coi như là đương-nhiên và hoàn-toàn tự-do.

- Nhưng trái lại, tại những nước chậm tiến, vừa mới thu hồi độc-lập, chế-độ tự-do thành-lập chính đảng không được thừa nhận. Họ viện dẫn những lý-do như tình-trạng an-ninh, tình-trạng dân-trí, để đưa ra những quy-tắc bắt-buộc chính đảng phải tuân theo và thi-hành.

Đối với Việt-Nam Cộng-Hòa, Luật số 009/69, Sắc-Luật 012-TT/SLu và Sắc-Luật số 060-TT/SLu đã cho phép chính đảng được hoạt-động tự-do sau khi đã khai báo, và hưởng tư-cách pháp-nhân khi có Nghị-định hợp thức hóa.

A. Điều khoản 1. THỦ TỤC THÀNH LẬP CHÍNH ĐẢNG

Thông thường, để một chính đảng ra đời và hoạt-động, chính-quyền thường áp-dụng các biện pháp sau :

- Khai báo
- Xin phép
- Tự-do thành-lập.

Đối với quy-chế chính đảng Việt-Nam, thủ tục khai báo được áp-dụng.

1/ Chế-độ khai báo -

Quy chế chính đảng ngày nay nhìn nhận thủ tục khai báo có biên nhận. Chính đảng được hoạt động ngay sau khi có khai báo với Bộ Nội Vụ mà khỏi cần chờ cấp phái lai. Thủ tục này nói lên sự tôn trọng quyền tự do công cộng của chính quyền đối với người công dân. Quyền tự do này có sẵn trong thân phận của con người chứ không phải do chính quyền ban phát. Đối với quy chế chính đảng, việc cấp biên nhận không còn là một quyền mà là một bổn phận của chính quyền. Bởi trong thời gian hai tháng Bộ Nội Vụ phải cấp phái lai cho người khai báo, nếu quá thời hạn trên mà Bộ Nội vụ không cấp biên nhận cũng không nêu rõ lý do từ khước, chính đảng được coi như thành lập hợp pháp. Bộ Nội Vụ có quyền bác khước nếu viện dẫn được trong những lý do sau :

- Chủ-trương và mục-đích của chính đảng có điểm nhằm chống lại Chính-thể Cộng-Hòa Việt-Nam ;

- Trong thành-phần ban sáng-lập hoặc Ban Chấp-hành Trung-Ương có phần-tử Cộng-Sản hoặc có hành-vi thân Cộng.

Chúng ta thành thật công nhận rằng, Luật số 009/69 Sắc-Luật 012-TT/SLu và Sắc-Luật số 060-TT/SLu đã tạo được nhiều ưu-điểm cho thủ tục thành-lập chính đảng. Quy-chế chính đảng và đối-Lập chính-trị cùng những Sắc-Luật tu chỉnh đã tạo cho đảng phái Việt-Nam một bảo đảm pháp-lý. Theo đó, Bộ Nội - vụ chỉ có quyền bác khước chứ không có quyền chuyên quyết; nhưng khi bác khước phải nêu rõ lý-do cụ thể. Chúng ta thường hiểu rằng, mọi quyết-định nào của chính-quyền đều có lý-do chính đảng cả ; nhưng quy-chế chính đảng bắt buộc Bộ Nội-Vụ phải nêu rõ lý-do bác khước là nhằm mục-đích tránh cho nhà cầm quyền lạm-dụng quyền hạn của mình ; hơn nữa là để dân chúng và chính đảng biết có sự chấp nhận đối-lập, sự đối thoại, sự khiếu nại của dân chúng trước một cơ-quan cao cấp khách quan có thẩm-quyền giải-quyết. Bắt buộc nêu rõ lý-do như thế cũng là bắt buộc người có thẩm quyền trước khi bác khước phải suy nghĩ quyết-định của mình có chính đảng hay không. Nếu không có lý-do chính đảng cụ thể, thì người có trách-nhiệm không dám sử-dụng quyền bác khước một cách bừa bãi.

Sơ với Dự số 10 và Thông-cáo ngày 28-1-1964 của Bộ Nội-vụ thì quy-chế chính đảng hiện thời dù chưa được hoàn hảo lắm, nhưng cũng đã tiến một bước khá dài trên đường dân-chủ hóa Quốc-gia.

2/ Các điều-kiện hợp-lệ và bất hợp lệ -

Theo điều 5 và 6 của quy-chế chính đảng (009/69), hồ sơ hợp lệ gồm :

- Tờ khai thành lập chính đảng ghi rõ tên người đại-diện và trụ-sở Trung-Ương của đảng ;

- Điều lệ ghi rõ : danh xưng, mục-đích, tôn chỉ ;

- Đảng quy nếu có ;

- Danh-sách sáng-lập-viên phải ghi rõ : ngày và nơi

sinh, trú quán, nghề-nghiệp, số căn-cước, ngày và nơi cấp ;

- Biên-bản bầu cử Ban Chấp-hành Trung-Ương.

Riêng đối với các sáng-lập-viên và Ban Chấp-hành Trung Ương phải có :

- Quốc-tịch Việt-Nam nguyên-thủy hay hồi tịch ít nhất năm (5) năm hoặc thủ-đặc Việt-tịch ít nhất mười (10) năm ;

- Đủ hai mươi lăm (25) đối với sáng-lập-viên.

Để đối phó với tình-trạng xã-hội, chính-trị mỗi ngày mỗi biến đổi, nên ngoài những điều mà quy-chế chánh đảng đã ghi Bộ Nội-vụ còn đòi hỏi thêm một số điều-kiện là các sáng-lập-viên và Ban Chấp-hành Trung-Ương phải nộp thêm vào hồ-sơ khai báo, phiếu Tư-pháp Lý-lich mẫu số 3. Trong điều 43 quy-chế chánh đảng còn quy định, chánh đảng có Nghị-định cho phép thành-lập hoạt-động từ trước hoặc có nộp hồ-sơ và đã được cấp biên lai, đều phải điều chỉnh tình-trạng pháp-lý trong thời hạn sáu (6) tháng kể từ ngày ban-hành Luật này (009/69). Các đòi hỏi về Phiếu lý-lich mẫu số 3 và sự điều chỉnh tình-trạng pháp-lý trong thời hạn sáu tháng kể trên đã bị các chánh đảng phản đối và chỉ trích nặng nề. Họ cho rằng, Bộ Nội-vụ đã quá khác-khe và vi phạm quy-chế chánh đảng. Tuy nhiên, nhìn kỹ chúng ta thấy những đòi hỏi này là hợp lý. Vì chỉ có những hồ-sơ hành-chánh mới có thể chứng minh được tình-trạng pháp lý của đương sự.

B. Điều khoản 2. THỦ TỤC HỢP THỨC HÓA CHÁNH ĐẢNG

Vấn-đề hợp thức hóa chánh đảng khai báo đã được cấp phải lại là một vấn-đề quan-trọng được ghi trong quy-chế chánh-đảng và các Sắc-Luật tu chỉnh vừa được ban-hành cuối năm 1972. Nó đã gây nhiều sôi nổi trong các cuộc biểu-quyết tại Quốc-Hội và trong dư-luận quần-chúng.

2/ Điều-kiện để được hợp thức hóa -

Một chánh đảng sau khi đã khai báo và được cấp phải lại thì có quyền hoạt-động, nhưng chỉ mới là hoạt-động hợp-pháp chứ chưa được pháp-luật công nhận là một chánh đảng thực thụ. Nói

khác đi, sự hiện-hữu của chánh đảng trên bình diện pháp lý chưa được chính thức công nhận mà chỉ được công nhận sau khi đã được hợp-thức-hóa bởi một Nghị-định của Bộ Nội-vụ và được đăng vào Công-Báo Việt-Nam Cộng-hòa. Phương thức vừa kể được thể hiện ở điều 10 Luật-số 009/69 và Sắc-Luật 060-TT/SLu ban-hành ngày 27-12-1972 như sau :

- Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp-phái lại chánh đảng hay liên minh chánh đảng muốn được hợp-thức-hóa, phải hội đủ các điều-kiện sau :

- + Thiết-lập Đô, Tỉnh, Thị-Bộ ít nhất một nửa (1/2) tổng số Đô-Tỉnh, Thị, Xã trên toàn quốc trong đó phải có Đô Thành Bộ tại Đô-thành Saigon. Mỗi Đô, Tỉnh, Thị Bộ phải thiết-lập được số phường, Xã ít nhất tại một phân tư (1/4, tổng số Phường, Xã trong Đô, Tỉnh, Thị Bộ ấy ;
- + Số đảng-viên của mỗi Đô, Tỉnh, Thị Bộ ít nhất phải hội đủ một phần hai mươi (1/20) tổng số cử-tri tại Đô, Tỉnh hay Thị-Xã liên-hệ, tính theo danh-sách cử tri đã niêm-yết trong kỳ bầu cử Hạ-Nghị-Viện gần nhất ;
- + Đảng-viên phải có cư trú chánh thức tại địa-phương liên-hệ và làm đơn gia-nhập chánh đảng ;
- + Các nhân viên Ban-Chấp-hành Đô, Tỉnh, Thị Bộ phải có cư-trú chánh thức tại địa-phương liên hệ và phải hội đủ các điều-kiện ghi tại điều 6 (Luật số 009/69)
- + Lập biên-bản bầu-cử Ban Chấp-hành Trung-Ương , nếu chưa nộp lúc khai báo.

Ngoài ra, tại điều 2 Sắc-Luật số 060-TT/SLu còn đề cập đến vấn-đề tham gia vào các cuộc bầu cử có tầm mức Quốc-gia của các chánh đảng :

- + Các chánh-đảng được hợp-thức-hóa theo điều 10 Luật-số 009/69 đã được sửa đổi bởi điều 1 Sắc-Luật 060-TT/SLu bắt-buộc phải tham gia trong các cuộc bầu cử Quốc-Hội. Riêng đối với cuộc bầu cử Tổng-thống và

Phó Tổng-Thống, sự tham gia có tính cách nhiệm ý ;

- * Trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày ban hành Sắc-luật 060-TT/SLu ngày 27-12-1972, các chính đảng đã được cấp phái lại hay đã được hợp-thức-hóa trước đây, phải hợp-thức-hóa theo các điều-kiện quy-định tại điều 1 Sắc-luật số 060-TT/SLu và điều 11 Luật số 009/69.

Điều 1 Sắc-Luật 060-TT/SLu sửa đổi điều 10 Luật số 009/69 đã gây nên nhiều sôi nổi tại nghị-trường và trong dư-luận quần chúng. Đa số đều cho rằng những điều quy định trong Sắc-luật 060-TT/SLu đều vi-phạm Hiến-pháp và vi luật, trái với quy-chế chính đảng đã ban hành trước đây. Hơn nữa, cũng đã vi-phạm quyền tự-do ứng-cử của công dân và có tính cách muốn gạt bỏ các đảng cán-bộ cùng các đảng kỳ cựu có vùng ảnh hưởng tại các địa-phương. Điều 11 quy-chế đã không quy định thể thức thông báo cho Bộ-Nội-vụ nên đã gây trở ngại khi đem ra áp-dụng. Bộ Nội-vụ không thể nào kiểm-soát nổi điều kiện đầy đủ của các Tỉnh Bộ cũng như số lượng đoàn-viên và nếu chỉ để chính đảng thông-báo thì lẽ đương nhiên các chính đảng thông báo là đầy đủ. Bởi thế đưa đến tình trạng đảng ma.

2/ Mục-đích của việc hợp-thức-hóa -

Với tình trạng lạm phát đảng phái như hiện nay, với đầu óc lãnh tụ tự tôn của mỗi cá nhân, đã khiến cho những người có trách nhiệm đối với đảng phái không khỏi lo ngại cho nền sinh hoạt chính trị Quốc Gia Việt Nam. Do đó khi đưa ra một quy chế chính đảng, cần phải có một sự suy nghĩ chín chắn; nếu đưa ra một quy chế chính đảng quá tự do, cởi mở thì tình trạng của đảng phái hiện tại càng ngày càng trầm trọng thêm và đưa đến tình trạng phá sản của đảng phái quốc gia. Do đó, theo khuynh hướng chung thì một quy chế chính đảng được ra đời cần phải quy định một số điều kiện khó khăn hầu tránh tình trạng đảng ma ra đời và tồn tại. Kỹ thuật về thành lập, hợp thức hóa chính đảng còn có mục đích đưa các đảng phái ra khỏi tình trạng cù lao trên biển cả, luôn luôn sống biệt lập. Bởi thế cho nên khi đưa ra một kỹ thuật hợp thức hóa như đã ghi trong quy chế chính đảng, người ta quan niệm rằng một đảng phái lành mạnh thì phải có thực lực khắp mọi nơi trên lãnh thổ. Ngoài ra, khi loại trừ các đảng ma

thì mặc nhiên trong sinh-hoạt chánh-trị, sự hiện-diện của đảng phái sẽ ít đi, dễ dàng đưa đến tình-trạng lưỡng đảng như Hiến-pháp đã mong muốn.

Hơn nữa, việc bắt buộc các chánh đảng phải nộp biên-bản bầu-cử ban Chấp-hành Trung-Ương, chứng tỏ sự lưu tâm của chính-quyền không những đối với mối tương-quan giữa chính quyền với chánh đảng, mà còn có sự tương-quan giữa chánh đảng đối với đệ tam nhân. Nhờ có biên-bản đó, một khi có vấn-đề nào liên quan đến đệ tam nhân thì dựa vào biên-bản đó mà xử-dụng tổ quyền đối với đảng phái.

3/ Tầm quan-trọng của sự hợp-thức-hóa -

Đa-số đều chỉ trích thủ-tục thành-lập quy chế chánh-đảng. Họ cho rằng việc ấn định số tối thiểu Đô, Tỉnh, Thị Bô và số Phường, Xã trên toàn quốc, cũng như việc ấn định tỷ-lệ số Dân-Biểu và tỷ-lệ cử-tri trong các cuộc bầu cử đã gây nên sự khó-khăn cho các chánh đảng kỳ cựu mà đa số địa bàn hoạt-động đều căn cứ một vài vùng có tính cách lịch-sử tạo nên. Việc bắt buộc các chánh đảng phải thành-lập Ban Chấp-hành tại-những nơi mà họ không có địa bàn hoạt-động, thì chúng ta e rằng, tình-trạng Ban Chấp-hành mà sẽ được thành hình và gây tốn kém cho chánh đảng mà thôi. Với thủ-tục thành-lập đã bị chê trách là quá rườm rà tạo nên một đảng phái có tính cách hành-chánh hơn là nhìn vào thực-lực.

Trong tinh-thần muốn loại bỏ những đảng hữu danh vô thực, muốn tạo một số chánh đảng có tầm ảnh-hưởng ở khắp mọi nơi trong nước nên chính-quyền đã áp dụng thể thức hợp-thức-hóa như đã nêu trên. Tuy-nhiên xét kỹ, chúng ta nhận thấy thể-thức hợp-thức-hóa không quan-trọng. Tầm quan-trọng là việc áp-dụng quy-chế chánh đảng một cách cởi mở, vì có cởi mở thì đảng phái mới dám xuất đầu lộ diện hoạt-động và dần chúng mới có tinh-thần đề gia-nhập, họ không còn coi đó như là một nơi của tai bay hoạ ởi. Hơn nữa, nếu có các chánh đảng mà rồi thì nó cũng chết đi và nếu không chết đi thì xét ra nó cũng chẳng hại, và trong trường-hợp có một đảng mà nào đối-lập thì pháp-luật sẽ trừng-trị theo luật định.

Tóm lại, kỹ-thuật hợp-thức-hóa chỉ xây thêm rắc-rối cho đảng có thực lực và đảng cán-bộ mà thôi. Hơn nữa có thể coi đây là phương-tiện để chính-quyền bắt chặt các chính đảng đối-lập, không cho họ ra hoạt-động để rồi chính-quyền phải mang tiếng là hành động trái với tinh-thần dân-chủ và xen vào nội-bộ của các chính đảng, làm cho sinh-hoạt đảng phải càng ngày càng thêm nặng nề.

DOAN 2 . SINH HOẠT CHÁNH ĐẢNG

Trong bất cứ một chế-độ nào, khi chính đảng đã được thành-lập tất nhiên cần phải sinh-hoạt hầu đạt mục tiêu của chính đảng. Do-đó sự hiện hữu của chính đảng sẽ trở thành vô ích nếu sự sinh-hoạt của chính đảng bị hạn chế và kềm kẹp. Nhưng muốn được sinh-hoạt dễ-dàng thì chính đảng cần phải có một tư-cách pháp-lý đầy đủ, chính-quyền phải công nhận những quyền tự-do chính-trị cho chính đảng cũng như phải có thái độ vô tư trong cuộc sinh-hoạt Quốc-gia.

A . Tiếu đoạn 1 . TÍNH CÁCH PHÁP LÝ CỦA CUỘC SINH HOẠT CHÁNH ĐẢNG .

1/Tư-cách pháp-nhân của chính đảng -

Đã là một tổ-chức thì dù ở bất cứ dưới danh nghĩa nào cũng cần có phương-tiện để hoạt-động và phát-triển, cũng như để giải quyết những mối tương-quan giữa các đoàn thể, tổ chức đó với chính-quyền hay đệ tam nhân. Do-đó, chính đảng là một tổ-chức nên cần có những phương-tiện vừa nêu, bởi thế, trong việc ấn-định sự sinh-hoạt của chính đảng, nhà Lập-Pháp Việt-Nam đã không quên ban cho chính đảng một tư-cách pháp nhân khi đã được hợp-thức-hóa.

- Điều 12 Luật số 009/69 quy định chính đảng có tư-cách pháp nhân sau khi Nghị-định thành-lập được đăng vào Công báo Việt-Nam Cộng-Hòa.

Với tư cách này, chính đảng có quyền hành xử -tổ-quyền trước tòa-án, thủ-đắc hữu thường các bất động-sản, động sản cần thiết để đạt mục đích của chính đảng.

- Điều 13 Luật số 009/69 quy-định cho chính đảng không

có quyền nhận tặng thưởng hoặc tiền trợ cấp của Ngân-sách Quốc-gia ngân-sách địa-phương hay một pháp-nhân công-pháp nào khác, hoặc của một xí-nghiệp quốc-doanh hay hợp-doanh trong đó chính-quyền có bán tổng số cổ phần.

Theo những điều-kiện của quy-chế chính đảng vừa nêu thì chính đảng chỉ có tư-cách pháp-nhân khi Nghị-định thành-lập đảng vào Công-báo ; như thế việc ban bố tư-cách pháp-nhân cho chính đảng quá trễ ; đó là chưa nói đến việc đảng vào Công-báo của một Nghị-định thường xảy ra rất lâu, có thể từ sáu tháng đến một năm. Việc chậm trễ đưa đến sự bất lợi cho chính-đảng đã được hợp-thức-hóa ; vì trong thời gian đợi là tạm hoạt-động đảng rất cần đến tư-cách pháp-nhân để an nói trước công-ly, trước Tòa-án.

Ngoài ra, tư-cách pháp-nhân mà chính-quyền ban bố cho chính đảng thật là hạn hẹp, chỉ cho chính đảng hữu đặc-vô-thường hoặc hữu-thường các động-sản và bất động-sản để đạt mục-đích của chính đảng. Như vậy, việc thủ-đặc những bất động-sản, những động-sản có tính cách kinh-doanh kiếm lời đã bị gạt ra ngoài. Hơn nữa, việc không cho chính đảng nhận trợ cấp tặng thưởng của chính-quyền hoặc của một pháp-nhân công-pháp, của một xí-nghiệp quốc-doanh hay hợp-doanh mà Chính-phủ có quá bán phần hùn. Hình như các nhà làm Luật muốn cho Ngân-sách Quốc-gia phải được bảo vệ. Tuy nhiên, việc hạn chế này chỉ có giá-trị trên nguyên-tắc, thật ra chính-quyền vẫn dùng tiền của quỹ gọi là mặt phĩ để trợ cấp cho các chính đảng ủng-hộ mình. Một cách tệ hại hơn nữa là chính-quyền còn dùng tiền để mua chuộc, lũng đoạn các chính-đảng

2/Thẩm-quyền sinh-hoạt của chính-đảng -

Cũng như một cá-nhân, chính đảng cũng có một đời sống, cũng có một sự sinh-hoạt. Do-đó, chính đảng cần có nhiệm vụ và quyền lợi như một công-dân trong một Quốc-gia. Sự sinh-hoạt của chính đảng được quy-chế chính đảng quy-định như sau :

a) Quyền tự-do ngôn-luận :

- Điều 14 quy-chế quy-định " Chính đảng có quyền sinh

hoạt, hội họp trường kỳ hay bất thường tại trụ-sở mọi cấp Bộ đảng. Có quyền có một cơ-quan ngôn-luận chính thức theo luật-lệ hiện-hành".

Tại điều 27, ghi "Việc hành xử quyền đối-lập chính trị gồm :

- + Quyền tự-do phê bình, chỉ trích đường lối chủ trương của Chính-phủ, quyền tố cáo những hành-động áp-bức tham-những của nhân-viên chính-quyền các cấp ;
- + Quyền được có cơ-quan ngôn-luận chính-thức, phổ-biến các loại truyền đơn, bích-chương, biểu ngữ, tổ chức những buổi nội chuyện công khai sau khi thông báo cho chính-quyền sở tại.

Như những điều đã ghi trong quy-chế chánh-đảng và trình bày, chúng ta nhận thấy cá-nhân và chánh-đảng có những quyền giống nhau ; đó là quyền tự-do công-cộng. Tuy nhiên, đối với chánh-đảng, chúng ta cần lưu-ý ở một điểm là chính-quyền luôn-luôn có khuynh-hướng xâm phạm những quyền đó. Bởi thế cho nên quy-chế chánh-đảng đã phải ghi đầy đủ những điều như đã kể trên, mặc dù Hiến-pháp cũng đã quy định. Việc quy-chế chánh-đảng minh-thị ghi những điều vừa kể, nhưng cũng đã gặp phải những quan-niệm trái ngược nhau chống đối.

b) Quyền tham-gia bầu-cử :

Những thất bại liên tiếp của chánh-đảng qua những cuộc bầu-cử Tổng-Thống và Quốc-Hội, khiến cho nhà cầm quyền nhận-thức được sự phân hóa trầm trọng, cũng như thực lực của các chánh-đảng. Bởi thế cho nên chính-quyền đã phải đưa ra một phương-thức mới hầu tạo một không-khí sinh-hoạt lành mạnh cho chánh-đảng Việt-Nam trong giai-đoạn đấu tranh chính-trị với Cộng-sản. Phương thức đó là bắt-buộc các-chánh-đảng phải tham gia vào các cuộc bầu cử có tầm mức Quốc-gia.

Đoạn 1 và 3 điều 2 Sắc-luật 060-TT/SLu ngày 27-12-1972 tu chỉnh quy-chế chánh-đảng đã ghi :

- Chỉ có các chánh-đảng mới có quyền đề cử ứng-viên tham gia trong các cuộc bầu cử Tổng-Thống và Quốc-hội, và tất

cả các ứng-cử-viên tham-gia các cuộc bầu-cử này đều phải do chính đảng đề cử và phải có đảng tịch của chính đảng ;

- Sự tham-gia các cuộc bầu-cử Quốc-hội có tính-cách bắt buộc đối với tất cả các chính đảng đã được hợp-thức-hóa.

Ngoài ra, điều 1 đoạn 1 của Sắc-luật này tu chỉnh điều 10 quy-chế chính đảng (009/69) như sau :

- Nếu không đề cử ứng-cử-viên tham-gia tranh cử trong các cuộc bầu-cử Quốc-Hội, sự giải tán của chính đảng được coi như đương nhiên sau ngày niêm-yết lần thứ hai danh-sách ứng-cử-viên ;

- Nếu qua mỗi cuộc bầu-cử mà không đạt được một phần năm (1/5) tổng số ghế Dân-Biểu tại Hạ-Nghi-Viện, hoặc thất cử trong cuộc bầu cử Thượng-Nghi-Viện mà liên-danh không đạt được hai mươi phần trăm (20%) tổng số phiếu tính trên tổng số cử-tri đi bầu. Trường-hợp đề cử một liên-danh ứng-cử, số phiếu được tính là số phiếu của liên-danh có số phiếu cao nhất. Sự giải tán chính đảng được coi như đương nhiên sau ngày ban bố kết quả bầu-cử ;

- Nếu đề cử ứng-cử-viên tham-gia tranh cử Tổng-Thống, Phó Tổng-Thống mà không hội đủ hai mươi phần trăm (20%) số phiếu tính trên tổng số cử-tri đi bầu trên toàn quốc, sự giải tán chính đảng được coi như đương nhiên sau ngày công bố chính thức của cuộc bầu-cử.

Tất cả những điều quy định bắt buộc các chính - đảng phải tham-gia trong các cuộc bầu-cử liên-quan đến sự tồn-tại của chính đảng khiến cho các chính đảng có những phản ứng chống đối rất mạnh-mẽ. Đa số sự phản đối này đều dựa vào căn-bản Hiến-Pháp mà cho rằng tu chỉnh của Sắc-luật 060-TT/SLu đã vi-phạm các điều 3, 30, 39, 99 của Hiến-Pháp. Thật ra, những phản đối đó chỉ có trong dư-luận, và cuối cùng các đảng cũng đã tuân hành theo các điều khoản đó. Với bằng chứng cụ-thể là cho đến ngày sinh-viên hoàn tất luận-văn này, (30-5-1973) đã có ba chính đảng nộp đơn xin Bộ Nội-vụ hợp-thức-hóa.

3. Tiêu đoạn 2 . TÍNH CÁCH CHÍNH TRỊ CỦA CUỘC SINH HOẠT CHÍNH ĐẢNG.

1/ Vấn-đề đối-lập chính-trị -

Khi đã có hai người trở lên thì sẽ có những ý-kiến khác nhau. Bởi thế, trong một Quốc-gia thì càng không thể có cùng một ý về một vấn-đề. Tùy theo mỗi chế-độ mà sự bất đồng ý-kiến được dung nạp hay bị đàn áp. Trong một chính-thể tự-do, ý kiến đối-lập được tôn-trọng và ghi nhận ; trái lại trong chính-thể độc-tại, đối-lập luôn-luôn bị bóp nghẹt. Tuy nhiên, một điều chúng ta cần lưu-ý ở đây là đối-lập không phải là những ý-kiến cá-nhân rời-rạc, mà đó là những sự bất đồng chính kiến có tính cách tập thể, có tổ-chức và hoạt-động trong vòng hợp pháp.

Tại Việt-Nam với một chính-thể mang danh là tự-do, dân chủ, nhưng sự hiện-hữu của đối-lập còn bị hạn chế. Chính-quyền viện lẽ rằng, trong giai-đoạn đấu tranh một mặt một còn với Cộng-Sản thì việc chấp-nhận đối-lập chỉ làm lợi cho đối phương, hơn nữa e rằng việc xử-dụng quyền đối-lập sẽ là lợi khí cho những tham vọng chính-trị cá-nhân. Với những lập luận như vừa kể, chúng ta thử nghĩ rằng, trong lãnh-vực chính-trị sự hoàn-hảo của một định chế là kết quả của một chuỗi kinh-nghiệm lâu dài. Như vậy, làm sao hy-vọng dân chúng quen với sinh-hoạt chính trị, nếu trong hiện tại không có sự sinh-hoạt, học-tập và hướng dẫn. Chúng ta có thể mạnh dạn mà nhìn nhận là cho đến ngày hôm nay, Cộng-sản vẫn còn hoạt-động tại miền Nam này và tình-trạng khủng-hoảng lãnh-đạo vẫn kéo dài là tình-trạng thiếu đối-lập. Cộng-sản và những con-đuôn chính-trị lợi dụng khai-thác những bất-mãn của quần chúng. Bởi thế, để cho Cộng-sản và những tay phù-thủy chính-trị hết cơ hội lạm dụng danh nghĩa đối lập, chúng ta cần phải đặt lại vấn-đề đối-lập trong cuộc sinh-hoạt chính-trị này.

2/ Quy-chế chánh đảng và vấn-đề đối-lập chính-trị -

Hiến-pháp 1967, điều 13 khoản 3 quy định : Quốc-gia tôn-trọng các quyền chính-trị của người công dân kể cả quyền tự

do thỉnh nguyện, quyền đối lập công khai bất bạo động, và hợp pháp. Do đó khi qui chế chính đảng hợp thức hóa được quyền sử dụng quyền đối lập chính trị. Điều 25 quy chế chính đảng đã tạo cho dân chúng một sự nghi ngờ cho rằng chỉ có chính đảng mới có quyền đối lập và như thế điều luật đã đi ngược lại Hiến Pháp. Nhưng khi phân tích kỹ, chúng ta nhận thấy rằng quyền đối lập là công việc của toàn dân mà Hiến Pháp đã công nhận, đó là hậu quả tất nhiên của chế độ tự do.

Trong chế độ dân chủ, người dân có quyền hành sử tất cả các quyền tự do và đối lập, sự đối lập của chính đảng là sự được định chế hóa, đối lập có tổ chức hẳn hoi, có tính cách chính đảng hữu hiệu. Hơn nữa nếu để cho cá nhân rời rạc sử dụng quyền đối lập thì sẽ đưa đến tình trạng đối lập vô trách nhiệm một sự chỉ trích bừa bãi thiếu hậu thuẫn. Bởi thế việc dành cho chính đảng quyền đối lập chính trị là một sự hợp lý, vì đó là tiếng nói phát xuất từ một chủ hướng, một đường lối rõ rệt của đa số quan chúng và trường kỳ. Vậy quy chế chính đảng quy định quyền đối lập cho chính đảng không có nghĩa là phủ nhận quyền đối lập của người công dân.

Nhằm mục-dịch khuyến-kích chính đảng ngồi lại với nhau, để tạo một sức mạnh cho đối-lập với chính-quyền hay đảng chính-quyền, nên trong quy-chế chính đảng có những điểm đáng lưu-ý :

- Đa số chính đảng không có đại-diện tham-gia Chính-phủ, tự đặt mình vào thế đối-lập. Trong một phiên họp công khai cử ra một đại-diện giữ vai trò lãnh-tụ đối-lập. Biên-bản buổi đại-hội được thông báo cho Bộ Nội-vụ để công khai hóa vị lãnh tụ đối-lập (đ. 26).

- Thủ lãnh đối-lập giữ vai trò-cố-vấn Chính-phủ không được giữ chức vụ công cử, được đãi trọng như một Nghị-sĩ và thủ lao và được hưởng quyền đặc-nhiệm tài-phần (đ. 29).

3/ Liên-minh chính-đảng -

Khi nghiên-cứu chính-trị, chúng ta phải thành - thực công nhận sự tai hại của một chế-độ đảng, luôn-luôn đem đến một tình-trạng xáo-trộn chính-trị. Trái lại với chế-độ - lưỡng đảng, sự sinh-hoạt chính-trị thường được ổn định và vững mạnh.

Khi quen-sát hiện-tượng chính-trị Việt-Nam với một tình-trạng chánh đảng lam phát không ai không khỏi lo âu. Do-đó con đường duy-nhất để đi đến ổn-định Quốc-ria hầu chống Cộng hữu hiệu thì phải bằng mọi cách, đưa đảng phái tiến đến một chế-độ lưỡng đảng Tuy-nhiên, sự thành hình một chế độ lưỡng đảng tại Việt-Nam, cần phải đợi một thời gian hầu kết nạp các chánh đảng thành những liên-minh.

Điều 1 Sắc-Luật số 060-TT/SLu tu chỉnh điều 23 quy-chế chánh đảng, quy-định :

- Hai hay nhiều chánh đảng được hợp-thức-hóa có thể hợp nhất thành một liên-minh chánh-đảng ;

- Chánh đảng gia-nhập liên-minh được coi như tự giải tán và liên-minh được coi như một chánh đảng mới ;

- Bộ Nội-vụ sẽ ban hành nghị-định hợp-thức sự giải tán các chánh đảng cũ và cấp phái lại cho chánh đảng mới trong hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ-sơ khai báo về việc này.

Trong các điều trên quy chế chỉ-nói đến việc liên-minh chánh đảng đã được hợp thức hóa, và không nói đến việc liên-minh của các chánh đảng được cấp phái lại. Hình-thức này nêu lên một sự liên-minh chặt chẽ, đi đến một chánh đảng duy-nhất, hoạt-động lâu-dài.

Từ ngày 27-12-1972 tức là ngày ban-hành Sắc-Luật số 060-TT/SLu cho đến nay (30-3-1973) đã có tất cả 3 liên-minh chánh đảng ra đời qua hình-thức thông báo cho Bộ Nội-vụ để xin hợp-thức-hóa. Ba liên-minh chánh đảng đó là :

- Đảng tự-do (Nhân-Xã và Lực-Lượng Đại Đoàn-Kết) ;
- Liên-minh Dân-chủ Xã-hội (7 đảng) ;
- Đảng Dân-Chủ.

A . Tiểu đoạn 1 . KIỂM SOÁT.

Trong các Quốc-gia có nền dân-chủ lâu đời, trình - độ chính-trị của người dân rất cao cho nên chính-quyền chỉ lưu tâm đến sinh-hoạt của chính đảng bằng sự giúp đỡ chứ không phải bằng cách kiểm-soát lũng đoạn hay mua chuộc. Trái lại tại những nước chậm tiến như Việt-Nam, Chính-quyền thường có khuynh-hướng kiểm-soát chặt chẽ các đảng phái chính-trị. Họ cho rằng, nếu để đảng phái hoạt động tự-do thì sẽ đem Quốc-gia đến chỗ hỗn loạn và tan rã.

Với Sắc-Luật 009/69 về quy-chế chính đảng và đổi-lập chính-trị cùng những tu chỉnh bởi Sắc-luật 060-TT/SLu và Sắc-Luật 012-TT/SLu, việc kiểm-soát các chính đảng được giải-thích theo chiều hướng của chính-quyền là nhằm đề-phòng sự xâm-nhập của Cộng-sản và những phần tử thân cộng vào sinh hoạt chính-đảng, cũng như sự khai báo hậu hợp-thức-hóa cho các chính đảng theo các điều kiện ấn định.

1/ Vấn-đề kiểm-soát danh-sách đảng-viên -

Điều 16 quy chế chính đảng quy định những điều - kiện sau :

- Chính đảng phải lập sổ kê khai danh tánh đảng viên tại Trung-Ương và tại từng địa-phương ;

- Các quyển sổ kê-khai phải ghi rõ họ và tên, ngày và nơi sinh, trú quán, nghề-nghiệp và số căn-cước, ngày và nơi cấp, ngày nhập đảng của các đảng viên ;

Các quyển sổ kê-khai phải do Bộ-Trưởng Nội-vụ, Đô - Trưởng, Thị-Trưởng, Tỉnh-Trưởng hay người thừa ủy danh số trang, ký tên và đóng dấu từ trang đầu đến trang cuối, trước khi ghi tên đảng-viên.

Điều 17 quy-định :

- Chính đảng có quyền giữ bí-mật hoặc công bố quyển sổ này ;

- Tuy nhiên, chính đảng phải xuất trình tại trụ - sở đảng quyền số đảng viên nếu có phán quyết của Tòa-án địa-phương và tất cả các sổ sách đảng-viên tại Trung-Ương và các Tỉnh, Thị Bộ nếu có phán quyết của Tối-Cao Pháp-Viện.

Ta nhận thấy, vấn-đề lập sổ danh-sách đảng - viên đã gây nhiều nguồn dư-luận không tốt cho chính-quyền. Nhìn dưới khía cạnh của chính-quyền thì công việc này chẳng qua là công việc để công khai hóa chính đảng. Trái lại, nhìn dưới nhãn quan của chính đảng thì vấn-đề sẽ phức tạp và rắc-rối hơn nhiều.

Kinh-nghiệm quá khứ cho chính đảng biết, việc chính quyền bắt các chính đảng giữ quyền số đảng viên là một sự nguy hiểm cần phải bận tâm, không những lo ngại sự kiểm-soát của chính-quyền mà còn sợ hãi đối với Cộng-sản nữa.

Về phía chính-quyền, chính đảng nghĩ rằng, quyền số đảng-viên sẽ trở thành điểm chỉ-viên cho chính-quyền tiêu-diệt chính đảng. Nếu chẳng may gặp phải chính quyền chủ-trương-độc-tài thì khi đó các lãnh-tu, các đảng viên của chính đảng sẽ lan lượt sa lưới của nhà nước một cách dễ-dàng.

Đối với Cộng-sản một tổ-chức mệnh danh là Mặt-trận Giải-Phóng, hiện thời đang hiện-diện tại khắp miền Nam, cho nên việc bắt chính đảng giữ quyền số đảng-viên tại trụ-sở đảng là một điều tối nguy-hiểm cho các đảng phái Quốc-gia vốn là tổ chức không đối trời chung với Cộng-sản. Sự nguy hiểm có thể xảy ra một khi mà Cộng-sản đột nhập vào trụ-sở chính đảng dưới mọi hình-thức, để rồi sẽ dùng chính sách khủng-bố đối với danh-sách đảng-viên đây đủ đó.

Trong hoàn cảnh đấu tranh một mất một còn với Cộng-sản như hiện nay, chính-quyền cần phải kiên toàn hệ-thống chính-đảng, đi trên đà phát-triển theo một chiều hướng thuận lợi hầu đạt được mục-đích cho Quốc-gia và dân-tộc. Một kỹ-thuật công-khai hóa phải được coi như một lời mời gọi chứ không phải bắt buộc hay cưỡng-bách. Có như thế chính đảng mới dám từ bỏ truyền thống hoạt-động bí-mật, yên lòng ra hoạt-động công khai. Do-đó vấn-đề quyền số danh-sách đảng-viên nằm trong quy-chế chính-đảng cần nên xét lại cho hợp-lý.

2/ Vấn-đề kiểm-soát các điều-kiện hợp-thức-hóa chánh-đảng -

Quy-chế chánh đảng đã minh-thị, một chánh đảng muốn được hợp thức hóa khi đầy đủ các điều kiện phải thông báo cho Bộ Nội-vụ (đ. 11). Tuy nhiên, quy-chế đã không ấn định rõ ràng một thể thức thông báo nào khiến đã gây nên sự khó-khăn cho việc áp-dụng. Một khi muốn hợp thức hóa cho chánh đảng, tất-nhiên Bộ Nội-vụ phải căn-cứ vào tài-liệu. Do-đó, khi đọc điều 11, chúng ta không hiểu chánh đảng chỉ thông báo con số đảng-viên hay nộp danh-sách đảng viên với đầy đủ chi tiết. Thật là rắc-rối, nếu chỉ thông báo được hiểu theo thể thức thông báo con số đảng-viên, thì sự kiểm nhận của Bộ Nội-vụ không có giá-trị gì cả; nhưng thông báo bằng phương-thức bất chánh - đảng nộp quyền số danh-sách đảng-viên thì điều này đã trái ngược với điều (17) cho phép chánh đảng giữ bí-mật quyền số của họ tại trụ-sở và chỉ xuất-trình khi có lệnh của Tòa-án.

Những khó-khăn vừa nêu trên qua bốn năm thi hành quy-chế chánh đảng cũng đã không có một sửa đổi nào hợp-lý. Tại Sắc Luật 060-TT/SLu ngày 27-12-1972 chỉ: " Trong thời hạn ba (3) tháng kể từ ngày ban hành Sắc-Luật này, các chánh đảng đã được cấp phát lại và chánh đảng đã được hợp thức hóa, phải hợp-thức hóa theo các điều kiện quy định nơi điều 10 (mới) và Luật số 009/69 sửa đổi bởi Sắc-Luật này.

Để thi hành Sắc Luật 060-TT/SLu, Nghị định số 006-ND/NV ngày 3-1-1973 đã ấn định trường hợp liên quan đến quyền số danh sách đảng viên. Theo nghị định này, chánh đảng nộp cho Chính quyền địa phương, danh sách đảng viên của Đô, Tỉnh, Thị Bộ có sự chứng thực của Ban Chấp Hành Trung Ương hoặc Ban Chấp hành của Đô, Tỉnh, Thị Bộ liên hệ để đổi lấy một chứng thư của Đô, Tỉnh, Thị Trường chứng nhận chánh đảng đã có đủ số Phường Xã, Bộ và có đủ số đảng viên luật định. Ngoài những điều kiện nêu trên, quy chế chánh đảng còn đòi hỏi chánh đảng thêm những điều kiện sau:

Điều 19: Ban Chấp Hành Tỉnh, Thị Bộ phải thông báo cho chính quyền địa phương mọi sự thay đổi về số lượng đảng viên, thành phần Ban Chấp Hành và trụ sở của Tỉnh, Thị Bộ trong thời hạn hai tháng kể từ ngày có sự thay đổi.

Điều 19 : Ban Chấp-hành Trung-Ương phải thông báo cho Bộ Nội-vụ mọi sự thay-đổi về số đảng-viên, thành phần Ban Chấp Hành và trụ-sở đảng Trung-Ương cũng như điều lệ đảng quy của chính đảng hai lần một năm, vào tháng giêng và tháng bảy.

Sau khi phân tích những mâu-thuẫn của việc kiểm soát; việc bắt chính đảng nộp bản danh-sách đảng-viên, vô tình đưa chính đảng vào sự lo âu, vì sự đe-dọa của chính-quyền. Hơn nữa, đây cũng là một điều-khoản vi luật. Do-đó, thiết tưởng các nhà lập-pháp nên lưu-ý vấn-đề hầu sớm đưa ra một giải pháp tốt đẹp hơn.

B. Tiểu đoạn 2. CHẾ TÀI.

1/ Vấn-đề giải-tán chính-đảng -

Chánh đảng là một thực-thể của Xã-hội, cho nên sự khai sinh và giải tán thường tùy thuộc vào môi-trường của xã-hội hơn là phương-diện pháp-lý. Nói vậy, không phải bảo việc ấn-định thể thức thành-lập và giải-tán là không cần thiết cũng như quy chế chánh đảng đã không đề cập đến. Thực tế, quy-chế chánh-đảng của Luật-số 009/69 và Sắc-Luật tu chỉnh 060-TT/SLu đã ấn-định vấn-đề này một cách tỷ-mỷ. Nói đến giải tán, có hai phương-thức là giải-tán tự ý và giải tán bắt buộc.

a) Giải tán tự ý : Một chánh đảng có thể giải tán tự ý sau một thời gian hoạt-động nếu xét thấy không đủ phương tiện, cũng như không thích hợp với môi-trường. Điều 30 quy chế chánh đảng được tu chỉnh bởi điều 1 Sắc-luật 060-TT/SLu quy - định việc giải-tán. Một chánh đảng có thể tự ý giải tán theo những điều-kiện ấn-định nơi đảng quy hay điều-lệ. Quyết định giải-tán phải được thông báo với Bộ Nội-vụ trong vòng một tuần lễ kể từ ngày có quyết-định giải tán. Bộ Nội-vụ phải hợp-thức-hóa sự giải tán bằng một Nghị-định đăng vào Công báo Việt-Nam Cộng Hòa. Ngoài ra, việc thanh toán, xử-dụng các tài-sản chánh đảng cũng do đảng quy hay điều-lệ quy-định. Trong trường-hợp đảng quy hay điều-lệ không quy định, thẩm quyền này thuộc Tòa - án (đ. 31 S.LU 060-TT/SLu).

b) Giải-tán bắt buộc : Các trường-hợp giải tán bắt buộc được kể như sau :

- Các chính đảng đã hoạt-động công-khai sau 12 tháng mà không đủ các điều-kiện để hợp-thức-hóa ;
- Các chính đảng hoạt-động không theo đúng luật định ;
- Các chính đảng hoạt-động như trong các cuộc bầu-cử Quốc-hội đã không đề cử ứng cử viên hoặc không đạt tỷ-số Dân-Biểu, Nghị-sĩ trong Quốc-Hội hay không đủ tỷ lệ số phiếu luật định. Riêng trong trường hợp đề cử ứng-cử-viên Tổng-Thống và Phó-Tổng-Thống mà không đủ hai mươi phần trăm (20%) tổng số phiếu tính trên tổng số cử-tri đi bầu.

Ta thử xét từng trường-hợp các chính đảng bị bắt buộc phải giải tán như thế nào ?

* Đối với các chính đảng sau 12 tháng hoạt động mà không hội đủ các điều-kiện hợp-thức-hóa, sẽ đương nhiên bị giải tán, nếu không giải tán sẽ coi như hoạt-động bất hợp pháp và sẽ bị chế tài ;

* Các chính đảng hoạt-động không theo đúng luật-định sẽ đương nhiên bị coi là bất hợp pháp và các hoạt-động của các chính đảng này sẽ vô-hiệu-hóa.

Hai trường hợp trên đã gây nên một sự tranh - luận ở Quốc-Hội. Một quan-niệm cho rằng, một chính đảng đã hoạt-động một thời gian, đã bỏ ra biết bao nhiêu là công của. Do-đó, việc giải tán các chính đảng này sẽ gây nên một phản-ứng không tốt. Đối với vấn-đề giải-tán các chính đảng hoạt-động bất-hợp-pháp có một quan-niệm cho rằng, đã là bất hợp pháp thì trên-pháp-lý làm sao mà giải tán được. Quan-niệm vừa kể đã được công nhận trong quy-chế chính đảng ; do-đó chúng ta không thấy một điều khoản nào đề cập đến vấn đề giải tán chính đảng bất hợp pháp.

* Việc giải-tán các chính đảng không tham-gia vào-các cuộc bầu-cử có tầm mức Quốc-gia và nếu có tham-gia mà không đạt được một phần năm (1/5) tổng số ghế Dân-Biểu tại Hạ-Nghị-Viện, hoặc thất cử trong cuộc bầu-cử Thượng-Nghị-Viện mà liên - danh

không được hai mươi phần trăm (20%) tổng số phiếu tính trên tổng số cử-tri đi bầu, cũng là một điều chúng ta cần mổ xẻ. Liệu rằng các chính đảng đã đủ điều-kiện hợp-thức-hóa, sau những cuộc bầu-cử mà không đủ những điều-kiện vừa nêu, thì có dễ-dàng bị giải tán hay không ?

Tóm lại, những điều-kiện để giải tán chính đảng nêu ra trong quy-chế chính đảng và Sắc-luật tu chỉnh đã quá khắc-khẻ, thiết tưởng rằng rồi đây với những cuộc bầu-cử sắp đến, một số chính đảng có thể trở thành hoạt-động bất-hợp-pháp và một chế-độ độc đảng có cơ thành hình tại một nước mang danh dân chủ này.

2/ Các biện-pháp chế tài -

Quy-chế chính đảng đã dành trọn chương sáu cho việc ấn-định các trường-hợp bị chế tài và các hình-thức chế tài.

a) Các trường-hợp chính đảng bị chế tài :

Phân-tích quy-chế chính đảng, chúng ta nhận thấy có tất cả 10 trường-hợp chính đảng bị chế tài được quy định từ điều 33 đến 42, được tóm lược như sau :

- Chính đảng hoạt-động bất-hợp-pháp vì không tuân theo các điều-kiện thành-lập ;
- Chính đảng không đủ điều-kiện hợp-thức-hóa mà vẫn thành-lập ;
- Các chính đảng bị tuyên-bố giải-tán mà vẫn tiếp tục hoạt-động ;
- Đại-diện chính-thức của đảng không thị hành-nghĩa-vụ của mình, chủ ý lừa dối chính-quyền trong việc khai báo ;
- Các viên-chức có xem quyển danh-sách đảng-viên có bốn-phận giữ bí-mật danh tánh các đảng-viên mà lại tiết lộ những bí-mật đó ;
- Những người xâm-phạm một cách bất hợp pháp vào văn-phòng trụ-sở đảng ;

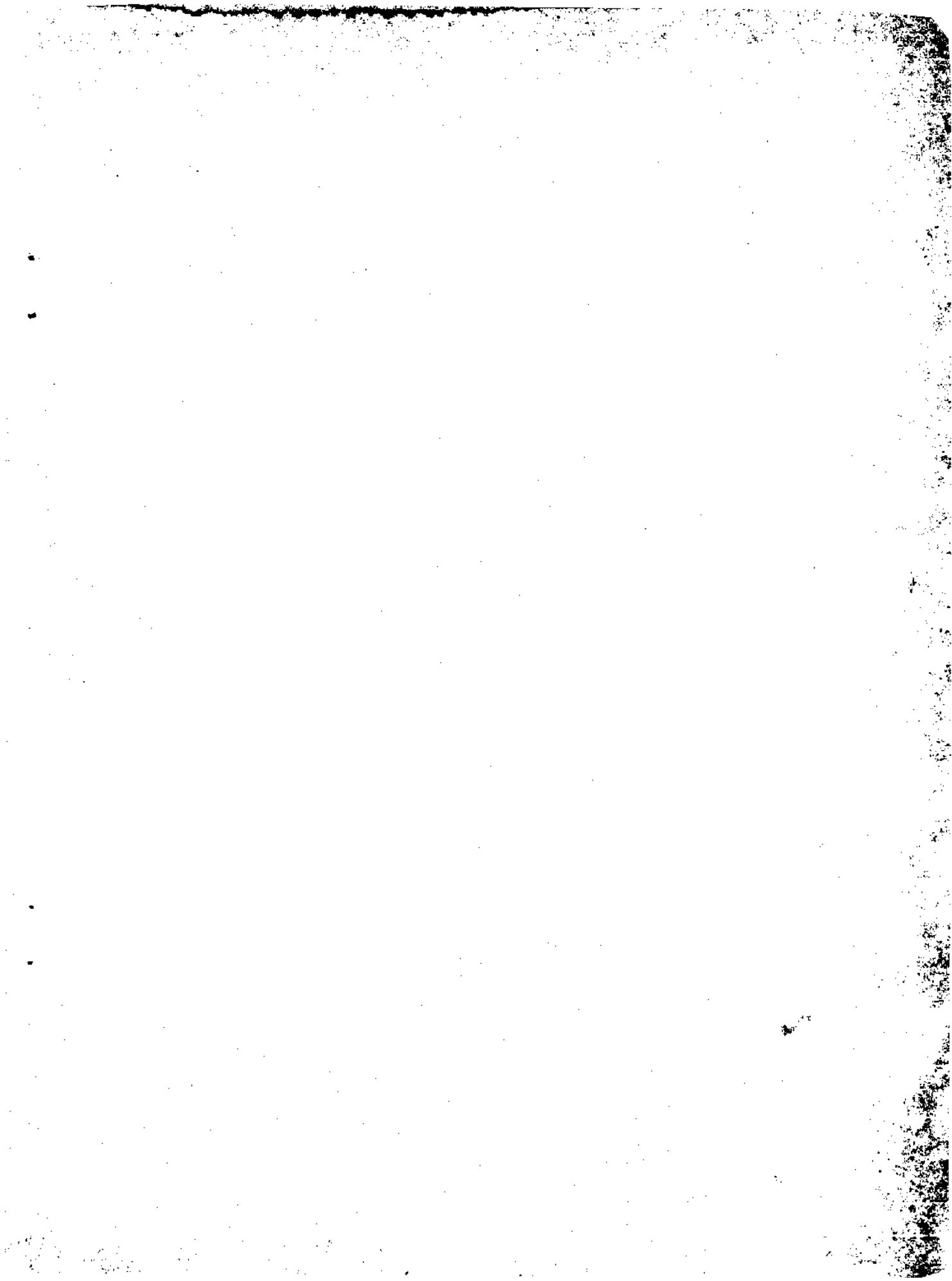
- Những người đương thời ghi tên gia-nhập hai đảng hay nhiều chính đảng. Những người thu nhận vị thành niên dưới 18 tuổi vào chính đảng ;
- Những người dùng áp lực bắt buộc người khác gia-nhập hay phải xuất đảng ;
- Những người lạm dụng công sở và công ốc làm trụ - sở văn-phòng liên lạc chính đảng ;
- Các chính đảng nhận tặng thưởng và tiền trợ cấp của Ngân sách Quốc-gia hay một pháp-nhân công-pháp nào khác.

b) Hình-thức chế tài :

Các hình-thức chế-tài đều quy về thể nhân liên hệ như nhân-viên Ban Chấp-hành đảng, viên chức chính quyền hoặc công dân. Các hình phạt tù hay phạt tiền nặng nhẹ tùy trường - hợp được quy định áp-dụng một cách dễ-dàng.

x

x x



CHƯƠNG II

Thăm định quy chế chánh đảng trong sinhhoạt quốcgia

Mặc dầu với nhiều ưu-điểm, tuy nhiên, quy-chế chánh-đảng, một trong những đứa con tinh-thần của Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa 1967 sau một thời gian hoạt-động đã để lộ không biết bao nhiêu là sơ hở, thiếu sót ; nhất là trong giai-đoạn chính-trị xoay chiều hiện nay. Do-đó, để phù hợp với tình-trạng-biến-đổi của Quốc-gia trong vấn-đề đấu tranh chính-trị với Cộng-sản Tổng-Thống NGUYỄN-VAN-THIỆU đã dành thời gian của sáu (6) tháng mà Quốc-hội đã ủy-quyền cho Ông trong bốn (4) lãnh vực kinh-tế, tài-chánh, an-ninh và quốc-phòng, hầu đối phó với những đột-biến bất ngờ của tình thế mà thủ-tục lập pháp thông thường không thể đối phó kịp thời để ban hành hai Sắc-Luật tu chỉnh quy-chế chánh đảng và đổi-lập chính-trị, hầu cơ-chế-hóa chánh đảng cho phù-hợp với tình-trạng đất nước.

Đặt lại vấn-đề căn-bản cho chánh đảng bằng hai Sắc-Luật tu chỉnh, chính-quyền đã gặp phải sự phản đối mãnh-liệt của chánh đảng cũng như của một vài nhân-vật trong chính-quyền hay Quốc-hội. Để tìm hiểu nội-dung của các vấn-đề liên-quan đến sinh-hoạt chánh đảng, chúng tôi xin mở xê quy-chế chánh-đảng và những Sắc-Luật tu chỉnh trên hai phương-diện lý-thuyết và thực-tế.

ĐOẠN I . THĂM ĐỊNH CƠ CHẾ CHÁNH ĐẢNG

Nếu dựa theo tiêu chuẩn hoạt-động chánh-đảng Tây-Phương, thì cơ chế chánh đảng Việt-Nam hiện đang ở trong giai-đoạn tiền tổ chức . Phan đông hệ thống tổ chức của chánh

đảng dựa theo tổ chức hành chính Quốc Gia từ cấp Trung Ương đến cấp Địa Phương, tức từ Trung Ương đảng bộ đến cấp Xã bộ, sự kiện này thật ra chỉ có trên giấy tờ. Do đó một sự phân loại dù theo tiêu chuẩn nào cũng không đem lại một ý nghĩa xác đáng cả.

Xét về tính-chất của các chính đảng Quốc-gia, đều có cùng một chủ-trương chống Cộng-sản, thực thi công bình Xã-hội, chỉ khác nhau trên phương-diện chiến-thuật mà thôi. Với đà tiến triển như hiện nay, chính đảng đã đi từ hình-thức hoạt-động bí mật tiến dần đến chỗ hoạt-động công khai với mục-dịch tránh sự tan rã. Xét ra chính đảng Việt-Nam hiện nay đã đi được một phần của con đường thực thi chế-độ dân-chủ. Ta có thể xét vấn-đề dưới hai khía cạnh.

A. Tiểu đoạn 1 . CƠ CHẾ CHÍNH ĐẢNG TRÊN LÝ THUYẾT.

Cuộc chiến-tranh Việt-Nam ngày nay đã chuyển mình từ hình-thức quân-sự sang giai-đoạn chính-trị, khiến cho mọi người không khỏi lo-âu, khi nhìn lại tình-trạng phân hóa hầu như tan rã của chính đảng. Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa đã nhận-thức được vai trò quan-trọng của chính đảng trong công cuộc đấu-tranh chính-trị với Cộng-sản cho nên Ông đã đưa ra cho quyền những biện pháp hầu cứu vãn tình thế bi thảm này. Mặc-dẫu với những cố gắng của Tổng-Thống, chúng tôi thiết nghĩ rằng, sự kết hợp một thể mạnh cho chính đảng không hoàn toàn tùy-thuộc trên căn-bản pháp-lý hay thiện chí của chính-quyền, mà còn tùy thuộc ở sự thực tâm về phía các chính đảng. Hai vấn-đề ấy phải ăn khớp với nhau.

Với một quy-chế chính đảng được ban hành từ năm 1969 cùng những tu-chỉnh của Hành-pháp trong những ngày cuối năm 1972, ta nhận thấy cơ chế chính đảng Việt-Nam đã bắt đầu chuyển mình từ chỗ hoạt động bí-mật đã lần lần lộ diện với những trò chơi dân-chủ, chấp nhận đứng ra hoạt-động công khai. Dựa trên căn-bản pháp lý vừa nêu, chúng ta thử nhận định vai trò của các bản văn đó đối với chính đảng trong thực-tế đã có một hậu-quả ra sao ?

Ở đây, chúng tôi xin nêu lên những vấn-đề mà các bản tu-chính quy-chế chánh đảng đã tạo nên trong dư luận quần chúng qua hai khía cạnh pháp-lý và thực tế.

1/ Khía cạnh pháp-lý -

Trên phương-diện pháp lý cho đến khi có Hiến-pháp 1967 chánh đảng Việt-Nam vẫn còn chịu sự chi phối của Dự số 10 ngày 6-8-1950 dưới thời Pháp thuộc. Đến năm 1967, với Hiến-Pháp Đệ II Cộng-Hòa, vai trò của chánh đảng được xác nhận trên nguyên tắc.

Trong chương III Hiến-Pháp Đệ II Cộng-Hòa đã đặt nền tảng pháp-lý căn-bản cho sinh hoạt chánh đảng bằng cách chính-thức công nhận vai trò thiết thực của chánh đảng trong sinh-hoạt Quốc-gia và chấp nhận nguyên-tắc tự-do thành-lập, tự-do hoạt-động của chánh đảng.

Điều 99 ghi :

- Quốc-gia công-nhận chánh đảng giữ vai trò thiết yếu trong sinh-hoạt chính-trị Quốc-gia ;

- Chánh đảng được tự-do thành-lập và hoạt-động theo thể thức và điều kiện luật định.

Điều 100 : Quốc-gia khuyến-khích việc tiến tới chế-độ lưỡng đảng.

Điều 101 : Quốc-gia công nhận sự định-chế-hóa đối-lập chính-trị.

Điều 102 : Một Đạo-Luật sẽ ấn-định quy-chế chánh-đảng và đối-lập chính-trị.

Tiếp theo căn-bản pháp-lý nền tảng ghi trong Hiến-Pháp, Luật 009/69 quy chế chánh đảng và đối lập chính-trị và hai Sắc luật 012-TT/SLu ngày 16-9-1972, Sắc-luật 060-TT/SLu ngày 27-12-1972, ấn định một căn bản hợp-lý cho chánh đảng trong sinh-hoạt chính-trị Quốc-gia. Ta thử nhận xét những điều-kiện tạo nên cơ-chế chánh đảng có phù hợp với tình thế chính-trị hiện nay hay không ?

a) Quy-chế chánh đảng quá chi-tiết : Nói đến một quy-

chế, ắt hẳn chúng ta nghĩ đến một sản phẩm của Lập-pháp hay nói nôm na là một Đạo-luật của Quốc-hội. Đã là một đạo luật, chúng tôi thiết nghĩ, chỉ nên quy định những gì tổng quát trong giới hạn từ 7 đến 8 điều, để sau đó hành-pháp khi đem ra áp-dụng chi-tiết-hóa là vừa. Trái lại, quy-chế chánh đảng không những tổng quát mà còn đào sâu vào chi tiết với tất cả 44 điều. Thêm vào đó, để gọi là phù hợp với tình thế, lợi dụng thời gian Luật ủy quyền, Tổng-Thống đã ban-hành vào cuối năm 1972, -liên tiếp hai Sắc-luật gọi là những tu chỉnh quy-chế chánh đảng. Tất cả những gì ghi trong ba văn kiện nói trên thật là quá chi tiết. Từ việc thành-lập cho đến vấn-đề giải tán hay che tài. Như thế, cơ-quan lập-pháp đã vô tình xem lán vào nội-bộ của chánh đảng; thêm vào đó, với những nghị-định thi-hành của các cơ-quan hành chánh đã tạo nên không biết bao nhiêu rắc-rối và khó-khăn cho cuộc sinh-hoạt của chánh đảng.

b) Quy-chế chánh đảng quá nặng về thủ-tục hành-chánh:

Xét, một chánh đảng muốn được hoạt-dộng công khai đều phải trải qua một thủ-tục hành-chánh thật rắc-rối và phiền-phức

Trong Nghị-định 006-NĐ/NV ngày 3-1-1973 ấn-định thể-thức thi-hành quy chế chánh đảng và những Sắc-luật tu-chỉnh quy chế này.

Điều 1 - Chánh đảng hoạt-dộng công khai sau khi đã khai báo hợp-lệ tại Bộ Nội-vụ. Hồ-sơ khai báo thành-lập chánh-đảng gồm có :

- Tờ khai thành-lập chánh đảng ;
- Điều-lệ lập thành sáu (6) bản ;
- Đảng quy lập thành sáu (6) bản ;
- Danh-sách sáng-lập-viên, danh-sách Ban Chấp-hành Trung-Uơng ;
- Trích lục Tư-pháp Lý-lịch mẫu số 3 được cấp chưa quá 6 tháng của các sáng-lập-viên và nhân-viên Ban Chấp hành Trung-Uơng lâm-thời hay chính-thức, nếu có ;
- Sáu (6) biên-bản bầu-cử Ban Chấp-hành Trung - Ương lâm-thời hay chính thức.

Điều 3 - Khi thành-lập Đô, Tỉnh, Thị Bộ, Phường hay Xã bộ chánh đảng phải khai báo cho nhà cam quyền địa-phương biết. Hồ-sơ khai báo gồm có :

- Tờ khai thành-lập Đô, Tỉnh, Thị Bộ ; Phường hay Xã có ghi rõ địa-chỉ trụ-sở địa-phương của chánh đảng ;
- Danh-sách các người đại-diện chính-thức và danh-sách nhân-viên Ban Chấp-hành Địa-Phương ;
- Năm (5) biên-bản bầu-cử Ban Chấp-hành Địa-phương , nếu có.

Điều 4 - Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp phải lai, chánh đảng hay liên-minh chánh đảng muốn được hợp-thức-hóa, phải đủ các điều kiện ghi tại điều 10 (mới) của quy-chế chánh đảng và đối-lập chính-trị. Hồ-sơ thông báo gồm có :

- Thư thông báo có đủ điều-kiện ;
- Danh-sách Ban Chấp-hành Trung-Ương lập thành năm (5) bản, có ghi đầy đủ chi tiết ;
- Biên-bản bầu-cử Ban Chấp-hành Trung-Ương lập-thành năm (5) bản ;
- Danh-sách Ban Chấp-hành các Đô, Tỉnh, Thị Bộ, phường hay Xã bộ, thành lập năm (5) bản ;
- Trích lục Tư-pháp Lý-lich mẫu số 3 chưa quá 6 tháng của các nhân-viên Ban Chấp-hành Trung-Ương và Địa-phương Đô, Tỉnh, Thị Bộ, Phường hay Xã ;
- Chứng-thư của Đô, Tỉnh, Thị-Trưởng chứng nhận chánh đảng có đủ số Phường và số đảng-viên luật định. Để được cấp chứng-chỉ này các Đô, Tỉnh, Thị Bộ phải khai báo, đồng thời nộp cho chính-quyền địa-phương danh-sách đảng-viên của Đô, Tỉnh, Thị Bộ có thị nhận của Ban Chấp-hành Trung-Ương hoặc Ban Chấp hành Đô-Tỉnh Thị Bộ liên-hệ ;
- Danh-sách đảng-viên gia-nhập tại Trung-Ương, nếu có

Nếu áp-dụng như điều luật đã ghi, chúng tôi e rằng đã gây rắc-rối cho các chánh đảng cũng như các cơ-quan công quyền

kiểm-soát với một số lượng giấy tờ quá lớn. Nhìn vào tình-trạng này của chánh đảng, chúng ta có cảm tưởng việc thành-lập một chánh đảng hành-chánh.

2/ Khía cạnh xã-hội -

Môi-trường là yếu-tố cho mọi sinh-hoạt của mọi tổ-chức. Có cơ-hội, có hoàn cảnh thuận tiện mọi tổ-chức cũng như chánh đảng thì mới có thể phát-triển ; ngược bằg, nếu không có cơ-hội thì đảng-phái có thể đi vào tan rã một cách dễ-dàng . Nhìn vào đảng phái Việt-Nam, chúng ta có thể hỏi rằng, chánh - đảng đã có một cơ hội nào thuận tiện để phát-triển chưa ?

a) Yếu-tố lịch-sử và tâm-lý :

Sinh ra trong chế-độ thực-dân và độc-tài, trưởng thành ngoài khung cảnh pháp-lý của chế-độ tranh-đấu giành quyền-dân-tộc tự-quyết và quyết tham-gia chính-trị. Do-đó, chánh đảng chỉ có thể hoạt động bí-mật. Thế rồi đến khi hoạt-động công khai thì các đảng lại không chịu kết-hợp ; xét qua tôn chỉ của các chánh đảng thì không có gì khác nhau, hầu hết đều chủ-trương giữ cho miền Nam không rơi vào tay Cộng-sản, xây dựng dân-chủ và phát triển kinh-tế, cải-tạo xã-hội. Nếu xét về lập-trường chính-trị là hoàn-toàn giống nhau, nhưng cách thức đối phó, sinh-hoạt lại khác nhau.

Tuy-nhiên vấn-đề nhân-sự là trở ngại chính cho sự kết hợp chánh đảng. Công cuộc phát huy và tập hợp chánh đảng đến nay đều thất bại, trong khi nhà cầm quyền lại áp-dụng những chính sách không mấy tốt đẹp để chia rẽ đảng-phái. Ngoài ra, những biến cố chính-trị đã dồn các chánh đảng vào thế phân hóa Từ năm 1945 khi đảng Cộng-sản xuất-hiện, đã lợi-dụng thời cơ lãnh-đạo kháng Pháp, các chánh đảng Quốc-gia lúc bấy giờ đứng trước ngã ba đường : hợp-tác với Pháp chống Cộng-sản, hợp-tác với Cộng-sản chống Pháp hay chống cả hai. Tất cả các giải pháp đều đặt cho chánh đảng Việt-Nam một thế đứng khó-khăn và đi đến một sự phân hóa.

Đến thời Đệ I Cộng-Hòa, sự lựa chọn như trên lại đặt ra cho chánh đảng lúc bấy giờ. Theo nhà-Ngô để chống Mặt-Trận giải-phóng, hay theo Mặt-Trận Giải-Phóng để chống nhà Ngô, hoặc

chống cả hai.

Thế lưỡng đầu thọ địch sau cùng đã gây cho chính đảng một thế đứng khó-khăn trong sinh-hoạt chính-trị Quốc-gia và khó tạo được một sự đổi-lập chân chính cho chế-độ.

b) Cơ-cấu kinh-tế xã-hội : Cơ-cấu kinh-tế - Xã-hội Việt-Nam là một yếu-tố ly-tâm phản ảnh cho sự phân-hóa chính-đảng, sự chênh-lệch giữa các giai cấp xã-hội, giữa thành-thị và thôn quê được cấu-tạo và gia-tăng bởi một nền kinh-tế giả tạo, một nền kinh-tế tiêu thụ và đầu cơ lệ thuộc vào sự thăng trầm của ngoại viện.

Những dị biệt tôn giáo, địa-phương bắt nguồn từ lịch sử, càng ngày càng bành trướng nơi 1 nền kinh-tế khép kín, không mở rộng cho mọi thành phần xã hội tham gia chung hưởng.

Cơ-cấu kinh tế - xã-hội đã tạo một trở lực lớn cho hoạt-động của các chính đảng trên con đường tài chánh, Những người giàu có thường xây-dựng sự tài phiệt bằng sự đầu cơ và can giao-hữu thân thiện với những nhà cầm quyền đương thời, nên không cố đại gi ủng hộ tài-chánh cho các chính đảng ngoại chính quyền. Mặt khác, rất khó mà đòi đảng viên thuộc giới công-chức, quân-nhân đóng góp đều đặn vì đồng lương cố định của họ không đủ sống. Vì thiếu phương-tiện tài-chánh, các chính đảng không thể đào-tạo được cán-bộ để thành-lập bộ máy vững chắc có khả-năng huy động quan chúng. Và lại tình-trạng chiến-tranh, đa số thanh-niên đã vào trong quân-đội; đảng phái mất đi thành phần cán-bộ hàng-hái, hoàn cảnh chiến tranh tạo cho giới thanh-niên trí-thức một tâm trạng cầu an.

3/ Khía-cạnh chính-trị -

Quy-chế chính đảng ra đời trong hoàn cảnh nước nhà đang có chiến-tranh. Trước cảnh xâm-lãng vô trang của Cộng-sản, bên cạnh những xáo-trộn-nội-bộ của một thời khủng hoảng lãnh-đạo, chúng ta tưởng chừng như sự ra đời của quy-chế chính-đảng có mục-đích đem lại cho sinh-hoạt chính-trị Quốc-gia một cơ-hội tốt; nhưng tiếc thay, điều mong muốn đó đã không được đáp ứng trải qua một sự thật không mấy tốt đẹp đã xảy ra.

a) Quy-chế chánh đảng không thực-tế :

Quy-chế chánh đảng và ngay cả những Sắc-luật tu-chỉnh đã bị chê trách là không phù hợp với thực-tế, mà chỉ nhìn chánh đảng trên khía cạnh kỹ-thuật.

Một phương thức kết hợp để công khai hóa chánh - đảng với những điều kiện đi ngoài khả-năng tài-chánh của chánh-đảng và trình độ chính-trị của người dân Việt-Nam hiện tại. Do-đó có lẽ cho đến bây giờ, mục-đích của tinh-thần đạo luật vẫn không đạt được kết quả. Trái lại, làm cho tình-trạng hoạt-động bí-mật của các chánh đảng càng tăng ; bởi sự thiếu tin-tưởng của đảng phái vào căn-bản pháp-lý.

Chúng ta thử hỏi, với những điều luật như khai báo, nạp danh-sách đảng-viên cho chính-quyền địa-phương để đổi lấy giấy chứng nhận quả là một điều làm cho đảng phái e ngại không ít. Với trình-độ chính-trị kém cỏi thì sự vô tư của vị chỉ-huy địa-phương khi xét danh-sách đảng viên quả là một vấn-đề cần nên lưu ý. Chúng ta cũng không thể quên được những điều - kiện bất đảng phái phải đủ một tỷ-lệ Dân-Biểu tại Quốc-hội mà không đặt ra những điều-kiện ràng buộc các vị đó với chánh đảng thì e rằng việc lập đảng sẽ do các vị Dân-biểu, Nghị-sĩ lãnh-đạo cả và những kẻ có tiền sẽ mua chuộc các vị này không mấy khó khăn.

b) Quy-chế chánh đảng ra đời không đúng lúc :

Sự ra đời của một quy-chế chánh đảng thật là một điều mong-muốn của mọi người nhất là của những vị lãnh đạo-đảng phái. Nhưng, sự mong muốn đó phải phù hợp với một tinh-thần vô tư, cỏi mở của quy-chế đối với sinh-hoạt chính-trị của chánh đảng, chứ không phải là một phương-tiện đàn áp, bóp chẹt chánh đảng của chính quyền.

Ngày 19-6-1969, quy chế chánh đảng ra đời thật là hợp lý và đúng lúc, mặc dù có sự chống đối của một thiểu số. Tuy-nhiên, sự ra đời của những Sắc-luật tu-chỉnh quy-chế chánh đảng vào cuối năm 1972 không được thuận tiện mấy, nhất là trong giai đoạn cần có sự ổn cố về chính-trị.

Trước sự xâm-lăng tột cùng của Cộng-sản, trong khi toàn dân đang dồn mọi nỗ lực để chống xâm lăng Cộng - sản thì

chính quyền đã ban hành những tu chính cho quy chế chánh đảng với một nội dung cường đặt một số điều-kiện không tương cho các chánh đảng Quốc-gia qua thật là một điều quá ư không-hợp lý. Tất cả mọi nỗ-lực, ý-chí dồn vào công việc chống Cộng-sản xâm-lãng đã bị những Sắc-luật có tính cách chính-trị lấn áp trong tâm-tư của người dân. Sự hồ nghi cho rằng chính quyền chỉ lo củng cố quyền hành mà quên đi nhiệm-vụ chống Cộng thiết - bách đưa đến một chế-độ độc tài, độc đảng. Ý nghĩ này phù hợp với sự thành lập một đảng chính quyền đã làm xôn-xao dư-luận không ít. Về phía các chánh đảng, với điều-kiện gắt-gao của các Sắc-Lệnh khiến tất cả phải đề tâm vào việc phát triển đảng hầu đủ điều-kiện hợp-thức-hóa hay tích-cực hơn, nhiều đảng đã bày tỏ sự chống đối với chính-quyền.

Những lý-do nêu trên khiến cho sự ra đời của những Sắc Luật tu-chỉnh quy-chế chánh đảng mất hết ý-nghĩa của nó ; mặc-dẫu với một nội-dung phong-phú đến đâu đi nữa. Chúng-tôi nghĩ rằng, cũng với những Sắc-Luật đó mà được ra đời trong một hoàn cảnh hay một thời gian nào khác có lẽ sẽ được sự ủng-hộ hơn hay những chống đối bớt phần mãnh liệt .

B. Tiểu đoạn 2 . CƠ CHẾ CHÁNH ĐẢNG TRONG THỰC TRẠNG.

Như đã trình bày ở đoạn trên, chánh đảng Việt-Nam được ra đời ngoài khuôn mẫu pháp-lý và hoạt-động trong bí mật, luôn luôn chống đối chế-độ. Với những biện pháp gắt-gao của chính-quyền thực dân và chính-quyền thời Đệ I Cộng-Hòa, đảng phải hoạt-động bí mật, riêng rẽ từng khu vực. Mỗi nơi một nhóm không liên-lạc với nhau, đôi lúc còn nghi kỵ lẫn nhau. - Do đó, chủ tâm của chính-quyền khi ban hành quy-chế chánh đảng và những Sắc-luật tu-chỉnh là để công khai hóa chánh đảng và tạo hệ-thống lưỡng đảng sau này. Với tinh-thần đó, các-vấn kiện pháp-lý vừa nêu, tạo được gì cho sinh-hoạt chánh đảng trong thực-tế Việt-Nam không ?

1/ Hiện-tượng phân-hóa chánh đảng kỳ-cựu -

Trên thực-tế, chúng ta phải phân-biệt hai loại chánh đảng, hầu có sự nhận xét trung thực hơn. Hiện nay, có một loại

chánh đảng đã được thành-lập vào thời chống thực dân Pháp, có là những đảng được mệnh danh là đảng kỳ-cựu ; một loại đảng thứ hai chúng tôi muốn nói ở đây là những đảng mới được thành lập khi có quy chế chánh đảng vào ngày 19-6-1969. Giữa hai loại đảng này có một sự khác-biệt rõ rệt, đảng kỳ-cựu vì hoàn cảnh lịch-sử nên sự ảnh hưởng chỉ có từng khu-vực và có một thực-lực quan chúng rất mạnh. Các đảng tân lập, nếu nói về ảnh hưởng quan chúng, thì thật không được đa số quan chúng biết đến, nó chỉ ảnh-hưởng trong lớp cán-bộ chính-quyền hay chính khách, học giả ; do-đó chúng ta nói loại đảng này là loại đảng cán-bộ.

Sự ra đời của quy-chế chánh đảng đã ảnh hưởng đến hai loại đảng trên không ít ; quy-chế chánh đảng đã giúp cho các đảng cán-bộ có dịp phát sinh và phát-triển, vì ưu thế về tài-chánh và sự giúp đỡ của những người trong hàng ngũ chính-quyền. Trái lại, quy-chế chánh đảng đã làm cho một số đảng phái kỳ-cựu phải tan rã hay hoạt-động bất hợp pháp, vì thiếu điều-kiện hợp-thức-hóa.

Trong ba đảng hoạt-động hợp pháp hiện nay, chúng ta nhận thấy vắng bóng của các đảng phái kỳ-cựu, chẳng hạn như :

- Đảng dân-chủ : là một đảng mới được thành lập vào đầu năm 1973 ;

- Đảng Tự-do : tập hợp các lực-lượng Đại Đoàn-Kết và Nhân Xã Đảng, hai lực lượng này được thành lập khi quy-chế chánh đảng ra đời và hiện nay theo điều-kiện của các Sắc-luật tu chỉnh quy-chế chánh đảng, Đảng Tự-do đã được cấp phái lại.

- Liên-minh Dân-chủ Xã-hội : tập hợp sáu (6) đảng đã được hợp-thức-hóa theo điều-kiện của quy-chế chánh đảng và đổi lập chính-trị (VNQDD, Thống-Nhất, Phong-Trào Quốc-gia Cấp-Tiến, Công-Nông, Tập-đoàn cựu chiến sĩ Hòa-Hảo, Lực-Lượng Kiến-Quốc, Dân-Xã-Đảng). Hiện nay, Liên-minh Dân-Chủ Xã-hội đang ở trong tình-trạng được cấp phái lại.

Nhận-xét qua thành phần của các đảng-viên trên chúng ta nhận thấy, sự vắng bóng của các đảng-phái kỳ-cựu.

2/ Yếu-tố tôn-giáo và cuộc sinh-hoạt chánh đảng -

Sự sút giảm của vai trò chánh đảng trong sinh - hoạt chính-trị Quốc-gia đã làm gia tăng vai trò của tôn-giáo. Thật vậy, qua những cuộc bầu-cử, tranh-đấu cho một cơ chế dân-chủ, đã chứng-minh được điều này.

a) Vai-trò tôn-giáo và cuộc sinh-hoạt chính-trị :

Theo quan-niệm Đông-Phương nói chung và Việt-Nam nói riêng đã tách rời tôn-giáo ra khỏi hoạt-động chính-trị. Nhưng thực tế chúng ta đã thấy tôn-giáo trong giai-đoạn gần đây đã nắm vai trò chính yếu trong sinh-hoạt chính-trị Việt-Nam.

Tiếp theo sự mạng lật đổ chế-độ NGŨ-DÌNH-DIỆM, tôn-giáo đã nhiều phen đứng lên tranh đấu đòi hỏi thực thi dân-chủ tại miền Nam này. Quan-trọng nhất, chúng ta phải quan sát ảnh hưởng của tôn-giáo trong các cuộc bầu-cử :

- Cuộc bầu cử Thượng-Nghị-Viện 1967, nhờ yếu tố tôn-giáo, các liên-danh Mặt-Trời, Sao-Sáng, Bông-Huệ đã tác cử một cách vẻ-vang ;

Cuộc bầu cử Bán-Phần Thượng-Nghị-Viện 1970, một lần nữa chứng tỏ ảnh-hưởng của tôn-giáo trong sinh-hoạt chính-trị miền Nam :

- + Liên-danh Hoa-Sen (Phật-Giáo Ấn-Quang 1149597 phiếu về I) ;
- + Liên-danh Mặt-Trời (chính quyền và Công-Giáo 1.106.288 phiếu, về II) ;
- + Liên-danh Bông-Huệ (Công-giáo 882.274 . phiếu, về III) ;

Trong những cuộc bầu-cử này, không một liên danh chánh nào đặc cử, điều này chứng-tỏ rằng quan chúng hiện-tại vẫn chịu ảnh hưởng của tôn-giáo hơn là các chánh-đảng, yếu-tố tôn-giáo đã lấn áp vai trò chánh đảng. Tình-trạng này cho thấy chúng ta nghĩ đến một phương thức tôn-giáo cho sinh-hoạt chính-trị tại miền Nam rói-ren này.

b) Phương thức tạo đảng tôn giáo :

Nói đến vấn đề dùng tôn giáo vào cuộc sinh hoạt đảng phái , chúng ta có thể đưa ra hai giải pháp:

- Tôn giáo đứng ra lập đảng: Một số người đưa ra giải pháp khuyến tôn giáo đứng ra lập đảng, nhất là đối với hai tôn giáo Phật Giáo và Công Giáo. Họ đưa ra lập luận là những lo sợ, đổ vỡ ,mất mát tính chất thiêng liêng của tôn giáo khiến cho tinh thần đoàn kết nhất trí của các đảng viên mang danh tôn giáo thêm vững ; họ cũng đưa ra những trường hợp điển hình các đảng mang danh tôn giáo như trường hợp đảng "XÃ HỘI PHẬT GIÁO NHẬT", Đảng "DÂN CHỦ XÃ HỘI THIÊN CHÚA GIÁO ĐỨC"

Theo ý kiến chúng tôi, giải pháp này không mấy tốt đẹp, vì rằng nếu một khi đảng mang danh tôn giáo bị tan rã khiến cho tinh thần thiêng liêng của tôn giáo mất hết ý nghĩa hơn nữa , tinh thần xã hội Đông Phương không chấp nhận cho tôn giáo sinh hoạt chính trị . Hơn nữa, tại Việt Nam , tôn giáo đa tạp , nên khi một tôn giáo nắm chính quyền thì e rằng tình trạng đối lập sẽ không còn và đi đến bạo động, dân chúng sẽ nghi ngờ vào chính quyền tại vị. Chúng ta cũng không thể so sánh tình trạng Việt Nam với các Quốc Gia bạn, vì hoàn cảnh lịch sử và trình độ của dân chúng Việt Nam khác hẳn với các nước đó .

- Tôn giáo yểm trợ các chánh đảng: Tôn giáo sẽ dùng uy tín quy tụ các chánh đảng có khuynh hướng thân mình để lập thành một liên minh hay một đảng duy nhất. Giải pháp này cũng gặp một khó khăn khi mà vị lãnh tụ tinh thần và vị lãnh tụ của đảng chính trị bất đồng ý kiến, sẽ đưa đến sự tổn thương tinh thần tôn giáo , một điều mà không một vị lãnh đạo tinh thần nào mong muốn.

Xét trên thực tế , nhiều đảng phái đã dựa quanh các tôn giáo; nên chúng tôi thiết nghĩ, giải pháp thứ hai có thể thực hiện được . Có như thế chúng ta mới có hy vọng tránh được sự liên kết chiến thuật hiện nay của các chánh đảng.

ĐOẠN 2 . NHỮNG TRỞ NGẠI TRONG VIỆC THỰC THI QUY CHẾ CHÁNH ĐẢNG

A. Tiểu đoạn 1 . TRỞ NGẠI VỀ PHÍA CHÍNH QUYỀN.

1/ Thủ-tục kiểm-soát -

Mặc dầu quy định khá tỷ mỉ, nhưng quy chế chánh đảng và những Sắc-luật tu chỉnh quy chế này cũng đã gặp những trở ngại trong việc thi-hành ngay đối với cơ-quan công quyền. Theo sự tiết lộ của một vài nhân-viên Bộ Nội-vụ là chính-quyền đã gặp những trở ngại trong việc thực thi quy-chế này :

- Vấn-đề nạp danh-sách đảng-viên : Theo Nghị-định số 006-NĐ/NV ngày 3-1-1973, chánh đảng muốn hợp-thức-hóa một trong những điều-kiện là phải có chứng thư của Đô, Tỉnh, Thị-Trưởng chứng nhận có đủ số Phường, Xã Bộ và số đảng-viên luật-định. Để được cấp chứng thư này, các Đô, Tỉnh, Thị Bộ phải khai báo và nạp cho chính-quyền địa phương danh-sách đảng-viên của Đê, Tỉnh, Thị Bộ có sự chứng thực của Ban Chấp-hành Trung - Ương, hoặc Ban Chấp-hành của Đô, Tỉnh, Thị Bộ liên-hệ.

Vấn-đề bắt các chánh đảng nạp danh-sách đảng-viên, đã khiến cho một số đảng-viên phản đối không ít. Họ cho rằng những điều này mâu-thuân với điều 17 quy-chế chánh đảng, hơn nữa khi ấn-định điều này chính-quyền không chú tâm đến nỗi lo lắng của chánh đảng một khi có sự kỳ thị đảng phái đối với viên quan đầu Tỉnh thì e rằng chánh đảng phải chịu sự chèn ép không ít. Bởi những sự kiện vừa nêu, nên đã tạo nên một sự giằng co giữa chính-quyền và đảng phái, cuối cùng lẽ dĩ-nhiên là chính-quyền thắng.

- Vấn-đề xác-nhận điều-kiện cho hợp-thức-hóa : Luật quy định cho Bộ Nội-vụ xác-nhận điều-kiện hợp-thức-hóa cho chánh đảng khi được thông báo là hai tháng. Với thời gian hai tháng để điều tra thật là quá ít đối với Bộ Nội-vụ, một khi muốn điều tra kỹ lưỡng.

Cũng về vấn-đề thời gian, Luật quy định cho Bộ Nội-vụ khi nhận được hồ sơ khai báo không hợp lệ, trong thời gian bảy (7) ngày phải yêu cầu người đại-diện bổ túc ; thời hạn bảy

ngày để xét một hồ sơ có hợp lệ hay không thật là một vấn-đề khó-khăn đối với Bộ Nội-vụ. Có lẽ, khi nhận được hồ-sơ của chánh đảng thì phải bỏ tất cả công việc để lo cứu xét, đó là chưa nói đến thủ tục hành-chánh để chuyển một hồ sơ từ Phòng Văn-thư đến ông Chủ-sự hay Ông Giám-Đốc có thể mất ba hay bốn ngày.

2/ Các biện-pháp chế tài đối với chánh đảng bất hợp pháp.

Đây là trường-hợp những đảng có thực lực, hoạt-động một cách công khai, nhưng không khai báo với chính quyền, hay những đảng không đủ điều kiện hợp-thức-hóa sau một thời-gian hoạt-động. Với tình-trạng này đã không thể nào có một biện-pháp để vô hiệu hóa.

- Đối với trụ sở của chánh đảng : Tại nhiều địa-phương, chính-quyền rất lầy lăm khó-khăn một khi phải khám xét trụ-sở của các chánh đảng. Vì mỗi khi xét, cần có lệnh của Biện-lý hay có trường-hợp quá tang phạm pháp. Lợi dụng quyền bất-khả xâm phạm vừa nêu, một vài trụ sở của chánh - đảng đã chứa chấp những thành phần bất hảo, trốn quan-dịch v.v...

B. Tiểu đoạn 2 . TRỞ NGẠI VỀ PHÍA CHÁNH ĐẢNG.

1/ Tài-lực -

Chánh đảng cũng như mọi tổ-chức khi hoạt-động là phải có phương-tiện. Phương-tiện tối cần thiết vẫn là tài-chánh ; vì chúng ta thử hỏi, nếu không có tài chánh, thì chánh - đảng lấy tiền đâu để xây cất trụ-sở, trang trải chi-phí hội-hợp , điều-hành v.v...

Chúng ta thử hỏi, chánh đảng Việt-Nam lấy tài-chánh nơi đâu để tài trợ cho những chi phí vừa nêu.

a) Nguyên-do gây nên trở ngại : Đảng phái hoạt-động điều hòa là cần có tài-chánh dồi-dào. Thông thường, các đảng dựa vào các nguồn tài chánh sau :

- + Sự tài-trợ của tài-phiệt ;
- + Sự tài-trợ của các đảng anh em ;

• Sự đóng góp của các đảng viên.

Đối với đảng phái Việt-Nam ba phương-thức tìm nguồn tài chánh trên đã không đem lại một kết quả khả quan. Các tài phiệt Việt-Nam họ luôn đi với nhân-viên chính-quyền, chạy chọt đầu cơ mà không cần đến chánh đảng hậu thuẫn ; hơn nữa, sự yếu kém của chánh đảng như hiện tại khó có ảnh hưởng trong chính quyền để bọn tài-phiệt mong đầu-tư.

Tại những nước dân-chủ, sự tài-trợ của các đảng anh em không thể xảy ra như tại những Quốc-gia Cộng-sản . Riêng vấn-đề nguyệt liêm của đảng-viên thì đảng phái cũng không hy-vọng gì, vì lợi tức của dân chúng quá thấp kém, hơn nữa tâm-lý chung của mọi-người không muốn đóng góp cho bất cứ một tổ-chức nào mà không có lợi một cách thực-tế.

Tóm lại, chánh đảng Việt-Nam đang lâm vào cái vòng lẩn quẩn : ít tiền thì không phát-triển, không phát-triển thì ít đảng-viên, mà ít đảng-viên thì không có tiền. Bởi thế che nên tại Việt-Nam, chỉ có những người giàu mới có thể lập đảng, hoạt-động chính-trị ; đó là tình-trạng chánh đảng mới và chánh đảng kỳ-cựu mà chúng tôi đã có dịp nêu ở đoạn trên (hiện-trạng phân-hóa chánh đảng kỳ-cựu).

b) Những phương-thức giúp đỡ tài-chánh cho chánh-đảng :

Để tránh cho các chánh đảng khỏi lâm vào tình-trạng tài-chánh khủng-hoảng, cũng như để giúp đỡ chánh đảng có phương tiện hoạt-động hữu-hiệu hơn, chúng tôi thiết tưởng, chính-quyền nên có một phương-thức giúp đỡ chánh đảng ; có như thế mới mong tránh được nạn người giàu đầu cơ chính-trị, lập bè kết đảng. Chúng ta có thể áp-dụng một trong hai phương-thức sau đây :

- Trợ cấp cho chánh đảng : Sự trợ cấp có thể bằng tiền hay một hình-thức nào đó. Nếu dùng tiền thì phải tìm một kỹ-thuật thích ứng để tránh nạn suy bì, tránh sự mua chuộc của chính-quyền ; chúng ta có thể theo phương-thức của Đức-Quốc để trợ cấp cho chánh đảng, số tiền trợ cấp sẽ tỷ-lệ với số đảng-viên hiện-diện trong Quốc-hội.

- Giúp đỡ phương-tiện : Về vật-chất, chính-quyền có thể giúp đỡ cho các chánh đảng các phương-tiện thông-tin ấrloát, huấn-luyện cán-bộ.

Đặc miễn cho các hoạt-động thương-mại của các chánh đảng mà tư-nhân phải chịu, như đóng tiền ký-quỹ, miễn vài sắc thuế v.v....

Nhìn vào quy-chế chánh đảng, chúng ta nhận thấy, chính quyền chỉ nhận chịu giúp cho chánh đảng nơi hội họp và phương tiện thông-tin tuyên-truyền cũng như thuận tài-trợ cho các ứng cử-viên Quốc-hội của chánh đảng. Nhưng sự thuận tình vừa nêu, chỉ là việc trên giấy tờ, chứ trên thực-tế, chưa hề xảy ra.

2/ Nhân-lực -

Đảng-viên là điều-kiện sinh tử của đảng phái. Muốn hoạt-động sâu rộng, thì bất cứ một đảng cán-bộ hay quần-chúng đều phải có đảng viên. Bởi thế, vấn-đề tìm kiếm đảng-viên được đặt ra trong lúc này đối với đảng phái Việt-Nam. Vì những nguyên do nội-tại cũng như ngoại-lai khiến cho chánh-đảng Việt Nam lâm vào tình-trạng khó-khăn.

a) Nguyên do gây nên sự khó-khăn :

- Sự thờ-ơ chính-trị của quần-chúng : Kinh-nghiệm lịch-sử khiến cho dân chúng có một ấn tượng không mấy tốt đẹp đối với chánh đảng. Phần đông dân chúng coi chánh đảng là một tổ-chức có khuynh-hướng chống lại chính-quyền để tranh-giành quyền hành ; do-đó, tổ-chức chánh đảng sẽ là mục-tiêu cho sự đàn áp. Với tinh-thần bè phái xôi thịt, các lãnh-tụ chánh-đảng còn mang một đầu óc lãnh-tụ cá-nhân, khiến cho họ không muốn bị một tổ-chức nào không chế, ràng buộc. Tình-trạng thờ-ơ của dân chúng đối với chánh đảng được thể hiện qua các cuộc bầu-cử vừa qua ; không một ứng cử-viên nào dám nhận danh đảng-phái để ra tranh cử. Đa số những nhân vật trúng cử đều thuộc thành phần độc-lập hay mang danh tôn giáo.

- Sự nản chí của giới công-chức trí-thức : Thành-phần công-chức tập-trung đa số những người có học thức, hiểu biết chánh-trị. Đáng lẽ với hiểu biết đó, thành phần này sẽ hoạt-động một cách đặc-lực cho chánh đảng. Nhưng tiếc thay, chánh

đảng đã phải đón nhận sự thờ-ơ lãnh-đạm của họ trước mọi sinh hoạt chính-trị ; họ coi sinh-hoạt chính-trị của chính đảng chỉ là con số không to tướng. Không phải người công-chức không ý-thức được tầm quan-trọng của sinh-hoạt chính đảng, trái lại họ cố ý tạo ra vẻ lãnh đạm thờ-ơ như thế với mục-đích tạo một đời sống bình thường cho riêng cá-nhân và gia-đình mình.

Sự kiện nêu trên có lẽ do ảnh-hưởng nền hành-chánh thực-dân với tinh-thần làm việc kiếm cơm sấm áo. Hơn nữa, kinh nghiệm lịch-sử của thời Đệ I Cộng-hòa khiến cho người công-chức trở nên an-phận hơn hầu tránh nỗi phiền nhiễu cho gia-đình và bản-thân.

- Sự thu hút tài-nguyên của quân-đội : Hiến-pháp 1967 đưa hàng ngũ quân-đội ra khỏi sinh-hoạt chính đảng điều 23 Hiến-pháp ghi nhận rằng : "Quân-nhân tại ngũ không được sinh hoạt đảng phái".

Hiến-pháp là một văn kiện căn-bản cho sinh-hoạt Quốc gia. Do-đó, Hiến-pháp cấm quân-nhân hoạt-động đảng - phái là một thiệt thòi lớn cho chính đảng. Chúng ta tự hỏi rằng tình-trạng chiến-tranh, quân-đội đã thu hút trên một triệu thanh-niên vào quân-ngũ, một thanh-phần hàng say của chính đảng bị mất đi thì chính đảng làm sao có thể hoạt-động hữu-hiệu được.

b) Các biện-pháp cải-thiện : Chúng ta phải thành-thật công-nhận đa số chính đảng Việt-Nam đều có tinh-thần chống Cộng mạnh mẽ, nếu không muốn nói là sanh tử với Cộng-sản. Với tinh-thần đó, chúng tôi thiết nghĩ, sự lớn mạnh của một chính đảng Quốc-gia khiến cho thêm tin-tưởng vào tinh-thần chống Cộng của nhân-dân. Một chiến-hữu, một đồng-chí của chính đảng sẽ là một chiến-sĩ diệt Cộng hàng say, một cá-nhân tham-gia vào chính đảng là Cộng-sản mất đi một người.

Để đem lại sự thắng thế cho phe Quốc-gia, hầu hòa-bình mau trở lại cho đất nước, thì chính-quyền có bốn - phận khuyến-khích sự phát-triển chính đảng. Muốn thế, không gì hơn là chính-quyền phải có một chính-sách cởi-mở với chính-đảng, gạt bỏ quan-niệm coi chính đảng là một tổ-chức chống đối để rồi tìm cách đàn-áp hay lũng đoạn ; khi không có đe dọa đàn-áp thì dân chúng, công chức mới tham-gia một cách mạnh dạn

vào sinh-hoạt chánh đảng.

Riêng đối với quân-nhân, Hiến-Pháp đã ngăn cấm, nên không thể có một biện-pháp nào hoạt-động cho chánh đảng được. Vì nếu một văn-kiến nào đó quy-định cho quân-nhân sinh-hoạt đảng-phái, thì văn-kiến bị coi như vi hiến. Hiểu được khó-khăn vừa nêu, nên trong những sắc-luật tu-chỉnh quy-chế chánh đảng đã minh-xác như sau: "Quân-nhân không được hoạt-động đảng phái, nhưng được quyền giữ đảng tịch".

ĐOẠN 3. QUY CHẾ CHÁNH ĐẢNG QUA CÔNG LUẬN

Chúng ta có thể định-nghĩa danh-từ công luận là sự tổng-hợp dư-luận của toàn dân, bao gồm mọi thái-độ, những phản-ứng, những tư-tưởng, những chánh kiến của dân chúng về một vấn-đề nào đó. Công-luận chỉ phản ảnh trung thực tại những nước dân-chủ, nếu sự phát biểu ý-kiến đó không bị ràng buộc nào. Trái lại, tại những nước theo chế-độ độc tài thì công luận chỉ một chiều theo khuynh-hướng chủ-trương của nhà nước mà thôi. Riêng Việt-Nam chúng ta, qua bao tháng thực-hiện dân-chủ, nhưng cho đến ngày nay các cuộc tự-do công cộng của dân chúng vẫn chưa được bảo đảm, chế-độ kiểm-duyet báo-chí vẫn còn áp-đụng. Người ta viện lẽ rằng, vì chiến-tranh nên người dân phải hy-sinh bớt một phần tự-do của mình hầu bảo-vệ Quốc-gia trong cơn nguy biến. Vì là một chế-độ dân-chủ nên dù rằng quyền tự do bị hạn chế, nhưng dầu sao công-luận cũng không mất đi tính-chất tự-do. Bởi thế cho nên, ngay sau khi ban-hành quy-chế chánh đảng đã bị sự chỉ-trích gắt-gao của công luận, nhất là về phía chánh đảng và Quốc-hội. Chúng ta thử xét xem những dư-luận như thế nào?

A. Tiêu đoạn 1. CHIỀU HƯỚNG GIẢI THÍCH CỦA CHÍNH QUYỀN

Dù bị chỉ trích mạnh trong khi còn là một dự-thảo quy chế chánh đảng đã được ra đời ngày 19-6-1969 bởi Luật số 09/69 về quy-chế chánh đảng và đổi lập chính-trị. Để khai-sinh cho quy-chế này, chính-quyền phải viện dẫn nhiều lý-do để bảo-vệ lý-lẽ của mình. Tất-nhiên là những lý-lẽ này luôn thuận lợi cho phía chính-quyền hơn là chánh đảng, nhất là

trong việc thi-hành và sinh-hoạt. Chúng ta có thể phân-tích vấn đề dưới hai khía cạnh hợp-thức-hóa và hệ-thống-hóa.

1/ Mục-tiêu hợp-thức-hóa chánh đảng -

Như đã trình bày nhiều lần, vì hoàn cảnh lịch-sử và trình độ chính-trị non kém của nhân-dân, khiến cho chánh-đảng Việt-Nam mãi sống trong sự phân-hóa cục bộ cù lao giữa biển. Do-đó, theo khuynh-hướng giải-thích của chính-quyền là chánh-đảng muốn thoát khỏi tình-trạng phân hóa và để biến cải tình-trạng yếu kém hiện nay của chánh-đảng thì không gì hơn là chính-quyền cần phải sắp đặt cho chánh-đảng những điều-kiện cần-thiết để hợp-thức-hóa.

Trong khuôn-khố tập luận-văn này, chúng tôi chỉ đề-cập đến những điều-kiện của Sắc-Luật tu-chính. Vì phần lớn những vấn-đề quy-định trong hai Sắc-Luật tu-chính đều chỉ đề cập đến tiêu-chuẩn hợp-thức-hóa chánh-đảng mà thôi. Toàn bản văn đòi hỏi những điều-kiện như đã ghi trong Nghị-định số 006-NĐ/NV ngày 3-1-1973.

- Thứ 1 : Buộc chánh-đảng muốn được thành lập và hoạt động hợp-pháp phải có tổ-chức trên ít nhất 1/2 Đô, Tỉnh, Thị trên toàn quốc, trong đó bố buộc phải có tổ-chức Đô-thành-Bộ. Mỗi Đô, Tỉnh, Thị phải tổ-chức ít nhất 1/4 tổng số Phường-Xã. Ngoài ra, tổng số đảng-viên tại mỗi Đô, Tỉnh, Thị phải bằng ít nhất 1/20 tổng số cử-tri (điều 2 Sắc-Luật 060-TT/SLu).

Khi nêu ra vấn-đề trên, chính-quyền giải-thích là nhằm giúp các chánh-đảng thoát ra khỏi tình-trạng cục-bộ, trải rộng ảnh-hưởng trong phạm-vi quốc-gia, tạo một căn-bản hậu-thuần trong quan chúng.

Nhìn vào lời giải-thích của chính-quyền, chúng ta nhận rằng những điều đó thật là chính-xác và hữu-ích. Tuy nhiên, khi nghiên-cứu kỹ những điều-kiện vừa nêu, thì đã đi vượt khỏi khả-năng của chánh-đảng, nhất là đối với đảng kỳ-cựu là một đảng chỉ có tầm ảnh-hưởng trong một vài vùng. Do-đó giải-pháp trên e rằng không được kết quả mong muốn mà còn khuyến-khích cho chánh-đảng hoạt-động bất hợp-pháp.

- Thứ 2 : Buộc chánh-đảng phải hủy-thể khi lập liên-

minh chính-trị mới (đ. 2 khoản 4 Sắc-luật 060-TT/SLu).

Chính-quyền mong muốn các chánh đảng tạo dựng một thể kết hợp chặt chẽ thực sự giữa các chánh đảng, mong muốn một sự kết hợp quy mô, chấm dứt tình-trạng liên-minh tạm bợ có tính cách chiến-thuật như đã từng xảy ra trong quá khứ. Điều quan-tâm của chính-quyền ở đây là xác đáng, chúng tôi nhận thấy chính quyền nên áp-dụng điều luật này, hầu tránh những đổ vỡ mà những liên-minh trước đây đã vấp phải.

- Thứ 3 : Buộc chánh đảng phải tham-gia vào các cuộc bầu cử có tầm mức Quốc-gia, sau mỗi cuộc bầu cử phải hội đủ một số ghế 1/5 tại Hạ-Nghị-Viện hoặc tỷ-lệ 20% tổng số cử-tri trong cuộc bầu-cử Tổng-Thống hay Thượng-Nghị-Viện.

Với mục-dịch đưa chánh đảng ra hoạt-động công-khai và luôn-luôn cải tiến để có thể đạt lá phiếu hầu đi vào chính-quyền hợp pháp. Mô thức này được phỏng theo Đại-Hàn.

- Thứ 4 : Buộc cá-nhân khi ra tranh cử phải có sự giới thiệu của chánh đảng đã được hợp-thức-hóa và sẽ được NSQG tài-trợ (điều 2 khoản 4 Sắc-Luật 060-TT/SLu).

Đây là phương-thức giúp cho chánh đảng có phương-tiện hoạt-động và phát-triển hợp-pháp.

Trên đây là những biện minh của chính-quyền khi áp-dụng quy-chế chánh đảng và những Sắc-luật tu chỉnh. Những điều kiện này đã gây nên xáo trộn rất nhiều trong sinh-hoạt chính-trị Quốc-gia trong bước đầu của giai-đoạn thi hành. Đối với chúng tôi, bất buộc chánh đảng phải đủ những điều-kiện vừa kể là một việc nên làm, dù là có sự phản đối của một vài chánh-đảng hay vài Dân-Biểu, Nghị-sĩ, có như thế sự đoàn-kết Quốc-Gia mới đủ mạnh hầu chống lại sự xâm lăng của Cộng-sản.

2/ Hệ-thống-hóa chánh đảng -

Đi tìm một hệ-thống-hóa cho chánh đảng Việt-Nam cả là một điều mong muốn của mọi người hầu đưa tình-trạng đảng-phái trên đã phân-hóa trên đến chỗ kết-hợp chặt chẽ. Ngay cả Hiến-pháp cũng đã đề cập đến vấn-đề này, trong điều 100 ghi "Quốc-gia khuyến-khích việc tiến tới chế-độ lưỡng đảng". Trong vấn-

đề này, có rất nhiều giải pháp được đưa ra, nhưng chọn một cơ chế thích hợp cho chính đảng quả là một điều khó khăn, đa số đều chọn chế độ lưỡng đảng. Theo ý chúng tôi, một chế độ lưỡng đảng có lẽ không thích hợp cho Việt-Nam, chúng ta nên chọn một chế độ khác.

a) Chế-độ lưỡng đảng : Đồng quan-điểm với Hiến-pháp những phương thức để đạt đến chế độ lưỡng đảng.

Đại-Tướng DUONG-VAN-MINH đã đưa ra hai khung - cảnh chính trị "Xã-hội" và "Dân-chủ" ràng buộc các chính đảng phải chọn một trong hai, Ông NGUYỄN-CIA-HIẾN đưa ra khuôn mẫu là chính-quyền đứng ra lập một đảng gọi là đảng chính-quyền, còn những đảng khác tập hợp thành đảng đối-lập và như thế chúng ta có một hệ-thống lưỡng đảng. Nhiều người khác trong đó có Giáo-sư MAURIC DUVERGER trong cuốn "les Partis Politiques" - đề nghị áp-dụng kỹ thuật bầu cử để tiến đến chế độ lưỡng đảng, nhưng giải pháp DUVERGER đã bị phủ-nhận với chính Ông, chế độ bầu phiếu chỉ có thể tác động để duy trì chế độ-lưỡng đảng sẵn có hoặc hơn thành chế độ lưỡng đảng đã có trong một xã-hội sinh-hoạt lưỡng phân hơn là tạo một chế độ lưỡng đảng.

Trong xã hội Việt-Nam, với hiện trạng một Quốc-gia mà toàn dân bị cuốn xé trong chiến tranh ý thức hệ, chưa-đạt được một ý niệm chính-trị căn-bản thì một hệ thống lưỡng đảng dù có được thực hiện thì cũng khó có thể tồn tại lâu dài, vì những luật-lệ của trò chơi dân-chủ chưa được chấp nhận. Do-đó việc sinh-hoạt lưỡng đảng theo kiểu Hoa-kỳ hay Anh - Quốc hẳn còn là xa vời đối với Việt-Nam.

b) Chế-độ đa-dảng tiết-chế điều-hợp : Đối với Việt-Nam, việc giải quyết vấn đề chế độ chính đảng đã trở thành nan giải trong thời gian qua với ý-tưởng thành-lập một chế độ lưỡng đảng đã thất bại. Theo chúng tôi, với hoàn cảnh hiện tại có lẽ một chế độ đa đảng tiết-chế điều-hợp là có thể thành-công .

Chế độ đa đảng tiết-chế điều hợp có một giá trị thực tế đối với những quốc-gia có một quá trình sinh-hoạt chính đảng phân tán rời rạc mà muốn kết hợp ; hệ-thống này chủ trọng đến tình trạng xã hội đa tạp. Hơn nữa, với kỹ thuật bầu phiếu, có thể dễ dàng vận dụng đi đến mục tiêu đa đảng tiết-chế điều-hợp.

Việt-Nam với Quốc-hội lưỡng viện, theo ba khuynh -
hướng :

- Chính-quyền ;
- Đối-lập ;
- Độc-lập .

cùng với diễn tiến của những cuộc bầu cử Tổng-Thống và Thượng-Nghi-Viện trên một quy mô rộng lớn, hy-vọng hệ-thống đa đảng tiết chế điều hợp có thể thành hình mau chóng trong thế tam phân. Ngoài ra, chúng ta còn phải lưu-ý đến sự hiện-diện của Mặt-Trận Giải-phóng Miền Nam trong cuộc tổng tuyển-cử sắp tới và những sinh-hoạt của tổ-chức này trong tương-lai sẽ đưa đến sự tam-phân khác của các khuynh-hướng sau :

- Khuynh tả ;
- Khuynh trung ;
- Khuynh hữu.

Tóm lại, quy-chế chánh đảng trong thâm tâm muốn đưa đến một chế-độ lưỡng đảng như Hiến-Pháp đã mong muốn. Tuy nhiên trong thực-tế, khuynh-hướng này e khó thực hiện được nhất là trong hiện trạng chính-trị thay chiều hiện nay. Một thể đa đảng tiết-chế điều-hợp đã được thành hình trong những ngày gần đây; đó là sự xuất hiện của 3 đảng : Dân-chủ, Tự-do, Liên-Minh Dân-Chủ Xã-hội.

B. Tiểu đoạn 2. THÁI ĐỘ CỦA CHÁNH ĐẢNG

Cho đến ngày Cách-Mạng 1-11-1963, chánh đảng Việt-Nam đều mong muốn giải thoát ra khỏi sự kềm tỏa của Dự số 10, bằng cách thay vào đó một căn-bản pháp-lý thoải mái hơn. Tuy-nhiên, quy-chế chánh đảng từ lúc soạn thảo cho đến khi được đem-rathì hành đều bị chỉ trích kịch liệt. Những chỉ trích đó chúng ta có thể phân loại như sau :

1/ Thái-độ ủng-hộ -

Nói đến thái-độ ủng hộ của các chánh đảng đối với quy chế chánh đảng và đối-lập chánh - trị, chúng ta chỉ có thể đề cập đến thái độ ủng-hộ tiêu-cực mà thôi ; vì chúng ta khó có thể tìm kiếm một bằng chứng cụ-thể tích cực nào. Thái-độ ủng-hộ

tiêu-cực cổ lệ phải kể đến hành-động biểu quyết chấp thuận dự thảo Luật của Hành-pháp đưa sang mà Quốc-hội đã biểu-quyết chấp thuận. Thứ đến chúng ta cũng đề cập đến việc 24 đảng đã xin hợp-thức-hóa, 14 đảng được cấp phái lai và 2 đảng thông-báo hoạt-động theo điều kiện luật định.

Riêng đối với những Sắc-Luật tu chỉnh do Hành-pháp ban-hành trong những ngày cuối năm 1972, tuy đã tạo một luồng dư-luận không mấy tốt đẹp và thuận lợi. Tuy-nhiên, cho đến ngày hôm nay, cũng đã có 3 đảng hội đủ các điều-kiện để hoạt-động hợp-pháp.

2/ Thái-Độ chống-đối -

Sự chống đối quy-chế chánh đảng phân chia thành hai giai-đoạn :

a) Giai-đoạn của quy-chế chánh đảng và đổi lập chính-trị : Trong khi quy-chế chánh đảng và đổi-lập chính-trị còn là một dự-thảo Luật, thì ngay tại Quốc-hội đã có nhiều phản-ứng sôi-nổi của chánh đảng, họ cho rằng quy-chế này vi-hiến, xâm-phạm quyền tự-do cá-nhân và đoàn-thể. Đến khi quy-chế được Quốc-hội biểu-quyết chấp-thuận thì chính Quốc-hội lại bị lên án là toa rập đi ngược lại Hiến-pháp khi biểu-quyết chấp-thuận điều 10 của quy-chế, một điều hạn chế sự sinh-hoạt của chánh-đảng, một đặc quyền mà Hiến-Pháp đã long trọng xác nhận tại điều 99. Các chánh đảng vì cho rằng quy chế chánh đảng và đổi lập chính-trị là vi-hiến nên đòi Quốc-hội ra tranh-luận công-khai.

Dù những phản ứng được thể hiện một cách sôi-động ngay lúc đầu, nhưng cũng không có tác dụng ngăn cản sự thành hình của quy-chế, bởi lẽ chánh đảng không có nhiều người tại Quốc-hội và cuối cùng quy-chế chánh đảng đã được ban hành ngày 19-6-1969 bởi Luật số 09/69.

- Trong khi đem áp-dụng, quy-chế chánh đảng vẫn bị chỉ trích gât-gao hơn. Điển hình nhất là vụ Lực-Lượng Đại-Đoàn Kết gửi văn thư ngày 2 tháng giêng năm 1970 lên Tổng-Thống, Thủ-Tướng, Quốc-hội đề phản đối và yêu cầu can thiệp ; rồi ra trong phiên họp ngày 17-2-1970 của Thượng-Nghị-Viện với sự

điều trần của Ông Thứ-Trưởng Nội-vụ, các Nghị-sĩ đã chất vấn Ông Thứ-Trưởng với những lời phản đối khác nghiệt. Nghị-sĩ Phạm-Nam-Sách đã nêu lên sự vô ích và gây rắc-rối cho chánh-đảng khi Bộ Nội-vụ đòi những giấy tờ như chứng-chỉ cư-trú, tình-trạng quân-dịch trong hồ-sơ cá-nhân xin gia nhập đảng. Luật-sư Trương-tiến-Đạt đã kích sự lạm quyền của Bộ nội-vụ khi cải-tiết-hóa về thủ tục kiểm soát của quy chế chánh đảng và đổi-lập chính-trị.

Quan-trọng nhất, chúng ta phải đề cập đến kháng thư của tập thể chánh đảng phản đối Chính-phủ về việc ban - hành quy-chế chánh đảng và đổi-lập chính-trị. Tập thể chánh đảng đã yêu cầu Chính-phủ can thiệp Bộ Nội Vụ áp dụng quy chế một cách uyển-chuyển, cởi mở hơn, loại trừ những điều khoản có tính-cách áp-chế đảng-phái.

Tóm lại, dù có phản đối quy-chế chánh đảng, nhưng đa số các chánh đảng đều chịu ghép mình vào khuôn khổ của quy-chế ; điển hình nhất là kể từ ngày ban-hành quy-chế chánh-đảng cho đến ngày quy chế chánh đảng được tu chỉnh với hai Sắc-luật vào cuối năm 1972, thì trên nguyên tắc, đã có 14 đảng được hợp thức hóa, 15 đảng có phái lại và 2 đảng đã khai báo nhưng không đủ điều kiện hoạt động hợp pháp.

b) Giai-đoạn của các Sắc-luật 012-TT và 060-TT/SLu :

Theo lời biện minh của chính-quyền là để thích-nghị với hoàn-cảnh chính-trị đang biến chuyển, trước sự sống còn với Cộng-sản và để đặt nền móng vững chắc cho nền dân-chủ, cũng như để tranh-đấu với Cộng-sản một cách công khai , thì Quốc-gia cần có một hệ-thống chánh đảng thật chặt chẽ. Để tạo được điều kiện đó Tổng-Thống đã ban-hành những Sắc-Luật tu-chỉnh một phần thiếu sót của quy-chế chánh đảng trước đây .

Cùng với số phận của quy-chế chánh đảng, những Sắc-Luật tu-chỉnh quy-chế này đã phải chịu những chỉ trích từ mọi phía. Tuy-nhiên lần này sự chỉ trích có vẻ thâm lạng, người ta chỉ dón đại trong dư-luận, chứ ít có người nào hoặc chánh đảng nào phản đối một cách công nhiên như lần trước. Các lời chỉ trích, phản đối để ý nhất, chúng ta phải kể đến lời của

một vài Nghị-sĩ trong phiên họp bất thường ngày 27 tháng 3 năm 1973 đòi đặt lại vấn-đề của các Sắc-Luật tu chỉnh quy chế chánh đảng. Ngoài ra, chúng ta cũng phải kể đến sự phản-đối mạnh-mẽ của Đại-Việt Cách-mạng Đảng. Với tư cách Chủ-tịch Đảng Đại-Việt, Ông Hà-Thúc-Ký đã gửi đơn lên Tối-Cao-Pháp-Viện kiện tính cách bất hợp hiến của Sắc-Luật 060-TT/SLu ban hành ngày 27-12-1972. Với những lập luận của Đại-Việt Cách-Mạng Đảng, chúng ta nhận thấy, Đảng Đại-Việt chỉ nhìn Sắc-Luật thuận-túy dưới khía cạnh thực-tế của chánh đảng mà thôi, Ông quên rằng ngoài quyền lợi chánh đảng, chúng ta có nhiệm vụ phải lưu-tâm đến sự sống còn và quyền lợi của Quốc-gia; Ông cho rằng một Sắc-luật vi-hiến, có lẽ Ông phân tích Hiến-pháp với quan-niệm chủ quan mà thôi.

C. Tiểu đoạn 3. DỮ LUẬN QUẢN CHỨNG

Căn-bản của chế độ dân-chủ là quản chúng, chính-quyền hoạt-dộng là để phục-vụ cho dân quản-chúng. Bởi thế cho nên, chính-quyền có nhiệm-vụ nghe ngóng mọi nguồn dư-luận phát xuất từ mọi nơi hầu tạo một chính sách hợp với nguyện vọng của toàn dân. Tại Việt-Nam Cộng-Hòa, một Quốc-gia vừa mới thu hồi độc lập, vừa mới thoát khỏi sự độc tài và hiện đang đi trên con đường thực hiện dân chủ, chính-quyền viên dân rằng trình-độ chính-trị của dân chúng còn thấp kém, vì sự sống còn của Quốc Gia trước sự xâm-lăng của Cộng-sản, cho nên chính-quyền phải áp-dụng những biện pháp cần-thiết mà đôi khi trái với quyền-lợi thiểu số quản chúng. Quy-chế chánh đảng và những Sắc-Luật tu-chỉnh quy-chế đã tạo ra trong dư-luận quản-chúng những ý-kiến tương-phản nhau trong thời gian gần đây. Nguồn dư - luận tuy yếu ớt, nhưng trung thực. Dựa vào đây, chúng ta có thể tham định được giá-trị của các văn-kiện này.

1/ Dư-luận thuận lợi -

Đồng quan-điểm với chính-quyền một số người, một số báo chí đã tỏ ra ủng-hộ Sắc-Luật tu chỉnh quy-chế chánh đảng. Tất cả quan-niệm với tình hình khẩn trương của đất nước, hiện trạng phân hóa của các chánh đảng là một mối nguy cho Quốc - gia; cho nên, với biện pháp mà hai Sắc-luật tu chỉnh quy-chế chánh đảng đã mang lại cho sinh-hoạt chánh đảng một trạng thái

mới quả thật là hợp thời.

- Nhật-báo Quạt-Cường đã cho biết : mọi người cũng thấy rõ hiện tình đất nước đòi hỏi mỗi cá-nhân dù là Hành-pháp hay Lập-pháp phải hành-xử quyền của mình trong tinh-thần cứu nước. Việc ấn-định thể-thức sinh-hoạt cho chánh đảng của Sắc-Luật 060-TT/SLu ngày 27-12-1972 quả là hợp lý và cần thiết.

- Để trả lời một số Dân-biểu, Nghị-sĩ phản đối Sắc-Luật trên, Nhật-báo Thống-Tiến đã lên tiếng : "Lúc bình thường Lập-pháp và Hành-pháp còn biết hỗ tương nhau mật thiết để điều hòa phương máy lãnh-đạo, hướng chỉ lúc nguy-hiêm khó khăn, sự hỗ-tương này cần phải thiết yếu hơn. Do-đó, việc chống đối Sắc luật 060-TT/SLu quả là một điều không nên làm".

Có thể nói, Sắc-luật tu chỉnh quy-chế chánh-đảng được phát xuất do chính Luật Ủy-quyền của Quốc-hội dành cho Hành-Pháp quyền ban-hành Sắc-luật, cũng đã một thời gây sôi nổi trong dư-luận. Do-đó, để bênh vực cho Hành-pháp, ve diêm cho rằng các Sắc-luật tu-chỉnh quy-chế chánh đảng là vi luật, Nhật báo Quạt-Cường đã đưa ra ý-kiến : "Theo ý tôi, các Dân-Biểu, Nghị-sĩ còn khu-khu ôm lấy quyền làm Luật, cố tạo thêm tình-trạng khó-khăn cho Hành-pháp, chặc-chấn một ngày nào đó, các chiến-sĩ sẽ nổi giận có thể nói các Dân-Biểu, Nghị-sĩ từ chối giành quyền cho Hành-pháp sự hậu-thuần tối đa là một hình-thức đâm sau lưng chiến-sĩ ngoài mục và hợp-pháp".

Tất cả những sự trích dẫn trên đây được coi là thuận lợi cho việc thi hành các Sắc-Luật tu chỉnh quy-chế chánh-đảng của Chính-phủ. Sau đây, chúng tôi xin nêu lên những dư-luận bất thuận lợi đối với các Sắc-luật trên.

2/ Dư-luận bất thuận-lợi -

Sự ra đời của hơn 60 Sắc-luật trong khoảng thời gian 6 tháng tạo một sự xáo trộn tâm-lý quần-chúng. Một số ít có cảm tưởng rằng, Quốc-hội hiện đang ngồi chơi xơi nước, giao cho Hành-pháp mặc tình điều-khiển Quốc-gia với những Sắc-luật mà hậu-quả sẽ đưa đến chế-độ độc tài. Trong số 60 Sắc-Luật của Hành-pháp ban-hành, tất cả đều bị chỉ trích ; tuy-nhiên nặng nhất chúng ta phải kể đến các Sắc-luật tu chỉnh quy-chế chánh

chánh đảng.

Một số người đã tỏ ra bất-mãn Sắc-luật tu chỉnh quy-chế chánh đảng một cách tiêu cực, nhưng cũng lắm kẻ đã tỏ ra tích-cực hơn trong việc chống đối các Sắc-luật này. Họ cho rằng các Sắc-luật quá khác-khe và không nâng đỡ chánh đảng phát triển :

- Việc ấn định thời gian 3 tháng để cho chánh - đảng hợp-thức-hóa, nếu không, được xem như giải tán, là một hành-động chèn ép chánh đảng ; vì trong thời hạn 3 tháng không thể đủ để từ hình-thức đảng cục-bộ sang hình-thức đảng quảng bá như luật định, nhất là đối với tình-trạng thiếu thốn vật chất như đảng phái Việt-Nam ;

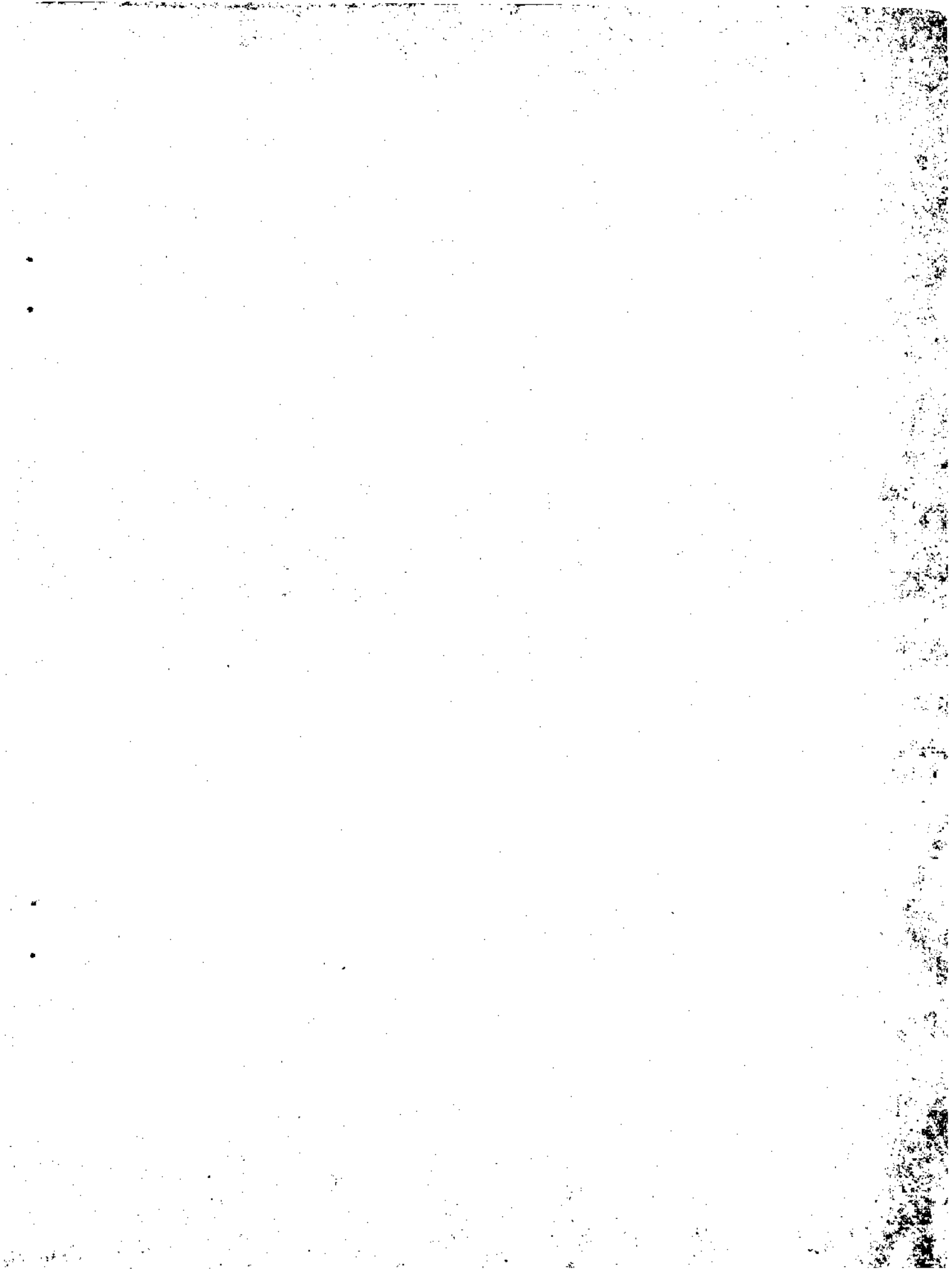
- Đòi hỏi chánh đảng có một tỷ-lệ Dân-Biểu tại Hạ - Nghị-Viện thật là một điều chua cay dành cho các chánh đảng, và một sự ưu đãi đối với các vị dân cử hoạt-động chính trị . Điều khoản này tạo cho các Dân-biểu có một ưu thế chính - trị khiến các chánh đảng phải chạy theo. Bởi lẽ, điều luật không có minh định đến vấn đề ràng buộc các vị đó phải chịu trách-nhiệm trước chánh đảng, cho nên họ có thể xuất nhập bất cứ chánh đảng nào tùy theo ý thích và tương-quan đến quyền - lợi họ trong mỗi giai-đoạn.

- Trong hàng ngũ Quốc-hội, phản-ứng được coi như mạnh mẽ nhất có lẽ phải kể đến tiếng nói một vài vị Nghị-sĩ trong phiên họp bất thường của Thượng-Nghị-Viện ngày 27-3-1973 ; tại đây, các vị yêu-cầu Quốc-hội xét lại tính chất của Sắc - luật 060-TT/SLu ngày 27-12-1972.

- Về phía chánh đảng, có rất nhiều nguồn dư-luận đã phá quy-chế chánh đảng hiện hành không ít, tuy-nhiên chỉ có Đại-Việt Cách-Mạng Đảng là chính thức lên tiếng trong công-luận. Ông Hà-Thúc-Ký với tư cách Chủ-Tịch Đảng đã gửi đơn lên Tối-Cao Pháp-Viện xin phán quyết tính chất bất-hợp-hiến của Sắc-luật 060-TT/SLu ngày 27-12-1972.

- Quy-chế chánh đảng hiện hành ra đời trong lúc mà chiến-tranh Việt-Nam ở trong giai-đoạn chuyển mình từ một cuộc chiến ác liệt trên bình diện quân sự đã ngã sang hình-thức hòa

bình với những cuộc đấu-tranh chính-trị gay go, để đi đến hòa bình thật sự. Sự kiện hòa bình đã làm cho mọi người quên đi tất cả. Sự háng say đón nhận hòa-bình của toàn dân khiến cho dư-luận đối với vấn-đề chánh đảng không được mấy ai chú ý. Tất cả những quan-điểm trong lúc này về vấn đề chánh đảng không thể hiện đúng quan điểm chung của đa số quan chúng, mà chỉ thể hiện quan-điểm của một vài chính-khách lưu-tâm đến chánh đảng, lưu tâm đến sự khó khăn trong vấn đề đấu-tranh chính-trị trước một đối thủ có quá nhiều kinh-nghiệm về đấu-tranh chính-trị và có quá nhiều thủ đoạn. Tiếng nói ủng hộ hay phản-đối quy-chế chánh đảng cũng chỉ là tiếng nói của một vài chánh đảng mà thôi. Tóm lại, chúng ta có thể bảo rằng, những dư-luận hay những phản đối quy chế chánh đảng vừa qua chỉ là tiếng nói của cá-nhân, tiếng nói của bè nhóm, chứ không phải là tiếng nói của mọi người.



KẾT LUẬN

quy chế chính đảng và vấn đề đấu tranh chính trị

I. NHẬN ĐỊNH TỔNG QUÁT.

Chiến tranh Việt Nam trong những năm qua đã bị gán ép với nhiều danh từ theo quan niệm và nhãn quan của từng cá nhân hay tập thể. Có nhiều người cho rằng đây là cuộc chiến tranh ý thức hệ, cuộc chiến tranh giữa hai khuynh hướng Quốc gia thuần túy và Công sản không biên cương. Lại có quan điểm cho rằng, đây là một cuộc nội chiến nhằm đưa quốc gia này ra khỏi những bất hạnh của ngoại thuộc, và cũng làm kẻ cho rằng đây chỉ là cuộc chiến tranh bình thường sản có từ một quan niệm về tổ chức xã hội không phù hợp nên dân phải tiến vào cuộc tranh hùng thủ lĩnh. Cứ thế, người ta tiếp tục gán cho chiến tranh Việt Nam với tất cả những danh hiệu và tính chất tìm thấy tùy theo thiên kiến của mỗi cá nhân hay tập thể mà chúng tôi đã trình bày. Riêng lập trường của chúng tôi, cuộc chiến tranh Việt Nam là cuộc chiến tranh ý thức hệ của thế giới Công sản, Việt Nam là Quốc gia đầu tiên trong giai đoạn thôn tính thế giới của chủ thuyết Công sản đã đề ra.

Khi đã minh định dứt khoát ý nghĩa của cuộc chiến tranh, chúng tôi có thể kết luận rằng, đây là cuộc chiến được phát xuất từ phía Công sản với chủ trương của phe MARXISME. Do đó, để đối kháng lại với chủ thuyết này, chúng ta phải tìm một đường lối thích hợp vì hữu hiệu hầu có thể chiến thắng Công sản mang lại hòa bình cho dân tộc. Theo kinh nghiệm lịch sử, kinh nghiệm của các nước bạn nhiều lần đã chứng minh cho thấy, khi muốn chấm dứt chiến tranh với Công sản, chúng ta không thể giải quyết vấn đề trên lý thuyết, trên nguyên tắc hay lẽ

phải. Trái lại phải giải quyết vấn đề trên thực tế bằng hành động, một thí dụ điển hình việc giải quyết vấn đề CUBA của Tổng Thống KENNEDY. Khi Nga sô đem dân hỏa tiễn đất tại CUBA thì Tổng Thống KENNEDY của Mỹ đã hành động một cách cụ thể là bắt buộc Nga sô phải triệt hạ tất cả những dân hỏa tiễn mà Nga Sô đã đặt tại CUBA, nếu không Mỹ sẽ phong tỏa và đổ bom vào CUBA, phá hủy những dân hỏa tiễn ấy; kết quả trước những hành động quyết liệt của Mỹ, Nga đành phải chực nhả nhân chịu để nghị ấy.

Trở về với tình trạng Việt Nam, với những kinh nghiệm đã học được, Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa và nước đồng minh sau một thời gian tù vạ, đã phải chứng tỏ cho Cộng sản Bắc Việt và Việt Cộng thấy rằng chúng không thể thôn tính miền Nam một cách dễ dàng bằng giải pháp quân sự, đồng thời kêu gọi họ nên tìm một công thức chính trị để giải quyết chiến cuộc.

Với những thất bại liên tiếp trong lãnh vực quân sự, và nhất là với những quyết tâm chấm dứt chiến tranh của Việt Nam Cộng Hòa và đồng minh bằng mọi giải pháp đã đưa đến việc Cộng Sản Bắc Việt và Việt Cộng chịu nhân một cuộc hòa đàm nghiêm chỉnh tiến đến giải pháp cho cuộc chiến. Ngày 27 tháng 1 năm 1973, tại hòa đàm Ba Lê, một "Hiệp Định Ngừng Bắn" cho Việt Nam đã ra đời.

Đến nay, tuy hiệp định đã được thi hành hơn hai tháng mà tiếng súng vẫn còn nổ khắp miền Nam. Cộng sản vẫn ngoan cố tiếp tục đưa người và chiến cụ vào miền Nam, cũng như tại nhiều thị xã miền Nam vẫn phải nhận chịu nhữngecat đạn pháo kích của Việt Cộng. Hơn thế nữa, Việt Cộng còn ngang nhiên vi phạm hiệp định ngay cả đối với Ủy Hội Giám Sát ngưng bắn bằng hành động bắn vào máy bay của Ủy Hội hay pháo kích vào những nơi mà nhân viên Ủy Hội trú đóng. Trước sự ngoan cố có tính cách kỹ thuật của Cộng sản khiến cho nhiều người hoài nghi về hiệu lực của hiệp định và triển vọng hòa bình tại Việt Nam mỗi ngày càng thêm xa. Tuy nhiên, theo nhận xét của chúng tôi thì dù thế nào đi nữa thì chiến tranh Việt Nam cũng được giải quyết trong giai đoạn sắp đến. Bởi lẽ, cứ nhìn vào cuộc diên thế giới, sẽ bắt tay giữ các cường quốc làm cho chúng ta tin tưởng, nhất là sự quyết tâm của Hoa Kỳ đã làm cho chúng ta lạc quan hơn.

Viễn ảnh hòa bình đã đặt cho miền Nam chúng ta hai vấn đề cần phải giải quyết :

- Đấu tranh chính trị với Cộng sản.
- Xây dựng dân chủ và phát triển Quốc gia

Một viễn ảnh với hai vấn đề phải giải quyết khiến cho các nhà đứng quyền phải lưu tâm tìm một công thức thích hợp với khung cảnh chính trị và hoàn cảnh xã hội Việt Nam hầu có thể chiến thắng Cộng sản và tạo hòa một sự thịnh vượng cho Quốc gia. Nhìn vào vấn đề mọi người chỉ chú ý đến vai trò của chính quyền, coi đó như là một lãnh vực riêng tư thuộc về chính quyền, họ quên rằng sự cần thiết của vấn đề không phải ở chính quyền mà là ở nhân dân, với các đoàn thể nhân dân trung gian vững chắc. Trong các đoàn thể chính trị, chúng ta phải chú ý đến vai trò của chính đảng, một chính đảng có thực lực. Vì chính đảng là nền tảng của chế độ dân chủ.

Đặt vấn đề đấu tranh chính trị với Cộng Sản trong giai đoạn hiện tại, trước hết chúng ta phải tìm hiểu bối cảnh chính trị của quốc tế và quốc nội, cũng như tìm một phương thức thích hợp để định chế hóa chính đảng.

II . BỐI CẢNH CỦA CUỘC ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ .

A. BỐI CẢNH QUỐC TẾ .

Sau thế chiến thứ hai, thế quân binh thế giới bất lâu thay đổi làm cho nhiều quan niệm phải xoay chiều.

Từ một thế quân binh lưỡng cực giữa Hoa Kỳ và Nga xô, sự phục hồi mau chóng của Trung Cộng khiến cho các quốc gia trên thế giới phải lưu tâm. Sự lớn mạnh của Trung Cộng đã phá đổ thế quân binh lưỡng cực thành một thế tam phân mới, trong đó có sự hiện diện của Trung Cộng. Sự lớn mạnh của Trung Cộng đã làm cho các khối liên kết trên thế giới bất đầu xáo trộn. Các nước trong khối tư bản đã tan rã vì quyền lợi, các nước trong khối Cộng sản Đông Âu thoát ly khỏi ảnh hưởng Nga. Từ trung những thay đổi đều do quyền lợi gây nên.

Trước những biến chuyển làm cho những quốc gia thay đổi những quyết định trong lãnh vực bang giao. Hoa Kỳ thay đổi cách

chống Cộng cực đoan với những can thiệp bằng quân sự, bằng những giải pháp liên hiệp với Cộng sản. Vì thế Hoa Kỳ đã ủng hộ việc đầu nhân Trung Cộng vào Liên Hiệp Quốc và lập bang giao với Trung Cộng, đồng thời thảo luận với Trung Cộng về những vấn đề quốc tế trong đó có vấn đề Việt Nam.

Về phía Trung Cộng, không những là phá đổ thế quân binh cường lúc thế giới, mà còn bẻ gãy sự đoàn kết của khối Cộng sản; bằng chứng, Trung cộng đã chống đối Nga xô và ngược lại Nga xô cũng đã phá Trung cộng một cách tích cực không kém ngoạn mục.

Ngoài những siêu cường ảnh hưởng thế quân binh thế giới, chúng ta cũng lưu ý tới tâm ảnh hưởng của các quốc gia thù yếu: Nhật, Anh, Pháp, và khối Tây Âu.

Những thay đổi chính sách ngoại giao của các cường quốc khiến cho các quốc gia trong vùng Đông Nam Á thay đổi quan niệm dân chủ. Lập trường của các quốc gia này thể hiện trong những phiên họp của khối ASEAN với đề nghị trung lập hóa vùng Đông Nam Á. Với chiều hướng đó, ảnh hưởng không ít đến cuộc chiến tại Việt Nam và sự xây dựng dân chủ tại mảnh đất này.

B. BỐI CẢNH QUỐC NỘI.

Thỏa hiệp ngưng bắn ngày 27-1-1973 trên nguyên tắc chấm dứt chiến tranh tại miền Nam; nhưng trên thực tế, cho đến ngày hôm nay chiến tranh vẫn còn tiếp diễn không biết đến bao giờ. Tuy nhiên dù có hòa bình hay không, các phe lâm chiến cũng phải thi hành một số điều khoản mà bản thỏa hiệp đã minh định. Về phía Việt Nam Cộng Hòa, thỏa hiệp đã đặt cho chúng ta những vấn đề cần giải quyết.

Thi hành thỏa ước, gần 100.000 quân đội đồng minh phải rút ra khỏi miền Nam. Theo đó, công cuộc Việt Nam Hóa chiến tranh đã đưa nền kinh tế Việt Nam vào chỗ bế tắc, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân. Sự kiện này đưa đến sự thuận lợi cho phe Cộng sản, vì chúng ta thừa biết rằng bản chất của chiến tranh nhân dân là một cuộc chiến tranh toàn diện, trong đó mặt trận kinh tế, chính trị, xã hội, ngang hàng với quân sự.

Với lớp vỏ dân chủ, Chính phủ miền Nam do sự lãnh đạo của

những người mang bản chất quân sự, cho nên chính quyền tá bỏ quyền lãnh vực kinh tế, chính trị, xã hội hầu đoàn kết quốc gia mà đáng lẽ họ phải chuẩn bị từ trước để tạo một hậu thuẫn vững mạnh trong công cuộc đấu tranh chính trị với Cộng sản. Trong giai đoạn sắp tới, việc đoàn kết quốc gia, đồng viên tinh thần dân chúng và đoàn ngũ hóa các lực lượng chống cộng thành một khối đồng nhất để đương đầu với Cộng sản, chúng tôi thiết nghĩ, chính quyền nên lưu ý đến các lực lượng nắm dân chặt chẽ như tôn giáo, đảng phái. Với những điều khoản qui định trong qui chế chánh đảng và trong những Sắc Luật tu chính không biết rồi đây có đem lại một kết quả nào không ?

III . NGUYÊN TẮC ĐỊNH CHẾ HOÁ CHÁNH ĐẢNG VÀ CUỘC ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ .

Theo tinh thần dân chủ chính danh, một khung cảnh sinh hoạt chính trị hữu hiệu cần phải có sự tham gia chính trị của quần chúng, qua sự trung gian của các chánh đảng. Ở đó chánh đảng sẽ giúp chính quyền giáo dục quần chúng, tạo nhịp cầu thông cảm giữa người dân và chính quyền, giải thích cho dân chúng hiểu rõ chính sách của chính phủ v.v.. Tuy nhiên tại Việt Nam, trong giai đoạn vừa qua với tình trạng đảng phái phân hóa đã đem lại cho Việt Nam Cộng Hòa một khó khăn trong việc đối đầu với cuộc chiến do Cộng sản gây nên. Trong giai đoạn chót của cuộc chiến là giai đoạn đấu tranh chính trị để đi đến hòa bình và phân định kẻ thắng bại, chính quyền nên tìm một phương thức khả dĩ tốt đẹp hơn hầu đoàn kết quốc gia, tranh thủ nhân tâm. Sự khó khăn vừa nói chính do sự sơ hở của quy chế chánh đảng cũ (Luật số 009/69). Để cứu vãn tình thế, cho nên Tổng Thống đã lời dùng thời gian của Luật uỷ quyền để ban hành những Sắc Luật tu chính quy chế chánh đảng với một mong muốn là tạo sự ổn định cho quốc gia. Ảnh hưởng của Sắc Luật đó với cuộc đấu tranh chính trị với Cộng sản hiện nay, chúng tôi sẽ lần lượt đề cập như sau.

1/ Công cuộc đấu tranh chính trị và sự ra đời của tuchính qui chế chánh đảng .

Thừa hưởng di sản của chính sách thực dân, quân chúng Việt Nam cho đến ngày nay đa số vẫn chưa bỏ được tinh thần đố kỵ giữa những người khác miền, khác tôn giáo hay khác chánh đảng. Đối với họ cái hồ sâu này không thể một sớm một chiều có thể lấp được. Tuy nhiên

tinh thần đó làm khi cũng bị ngủ quên trước một biên chuyện chính trị quan trọng của Quốc gia và có thể bộc phát mạnh liệt vì một nguyên do nào đó. Một thí dụ điển hình là cuộc cách mạng 1-11-1963 đưa đến sự tranh chấp giữa Phật Giáo và Công Giáo.

Trước sự xâm lăng mỗi ngày mỗi gia tăng của Cộng Sản, trước sự tồn vong của đất nước, trong mấy năm gần đây, tinh thần đó kỳ của đa số dân chúng hình như đã mờ đi trước sự chú tâm chống Cộng cứu nước của mọi người.

Ngày 27-12-1972, tu chính quy chế chánh đảng ra đời với những điều khoản khắt khe nhằm mục đích đưa chánh đảng ra hoạt động công khai và tham gia tích cực vào sinh hoạt chính trị quốc gia. Xét trên lý thuyết thì có vẻ hợp lý, nhưng nhìn vào thực trạng Việt Nam sự ra đời của tu chính quy chế chánh đảng trong lúc này quả là một điều nguy hại cho Quốc gia. Nguy hại ở chỗ nó đã vô tình khôi lại những tinh thần đó kỳ mà mọi người tưởng như đã chết đi trước quyết tâm chống Cộng của mọi người. Tất cả các đảng viên của mỗi chánh đảng sau một thời gian hợp tác chống Cộng, bây giờ vì những điều khoản khắt khe của tu chính quy chế chánh đảng, nên đánh phá tranh đánh nhau ảnh hưởng hầu phát triển chánh đảng của mình, mong đủ điều kiện để được hợp thức hoá.

Trong thực tế, chúng ta thấy tu chính quy chế chánh đảng đã ra đời trùng hợp với sự xuất hiện của Đảng Dân Chủ, một đảng mệnh danh cầm quyền. Nếu không có chủ tâm thì việc chính quyền cho ban hành tu chính quy chế chánh đảng trùng hợp với sự xuất hiện của một đảng mang danh cầm quyền quả là một điều mà bất cứ một nhà lãnh đạo chính trị nào đều cũng không thể hành động được. Việc này đã dẫn đến sự dị nghị không tốt đối với chính quyền. Quan chúng có thể nghĩ rằng, Sắc Luật này chẳng qua là một điều kiện chèn ép chánh đảng của chính quyền với dụng ý yểm trợ sự ra đời của Đảng cầm quyền hầu đưa đến sự nắm chính quyền của một đảng, để rồi tiến dần đến độc tài, một điều mà không một người dân nào trong chế độ dân chủ mong muốn.

Tóm lại, sự ra đời của tu chính quy chế chánh đảng trong lúc mà mọi người đang cần sự đoàn kết để chống Cộng thì quả là một việc làm thiếu suy nghĩ của giới lãnh đạo hiện hữu; chính tu chính quy chế chánh đảng đã tạo ra sự chia rẽ trong hàng ngũ quốc gia khiến cho hiệu năng của cuộc đấu tranh chính trị với Cộng sản đã

phải giám sát không ít.

2/ Công cuộc đấu tranh chính trị và nội dung tu chỉnh quy chế chính đảng.

Xét đến những điều khoản qui định trong quy chế chính đảng bởi Sắc Luật 060-TT/SLU ngày 27-12-1972, chúng ta phải thành thực xác nhận: đây quả là một văn kiện được nghiên cứu tỉ mỉ. Tuy nhiên trong tình trạng của xã hội Việt Nam, nó đã tạo ra những bất lợi không lường được.

- Tại Điều 1 Sắc Luật 060-TT/SLU sửa đổi Điều 10 qui chế chính đảng, quy định rằng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp phải lái, chính đảng muốn được hợp thức hoá phải hội đủ các điều kiện như:

* Thiết lập được 1/2 tổng số Đô, Thị, Tỉnh, Xã trên toàn quốc và 1/4 tổng số Phường, Xã trong Đô, Tỉnh, Thị. Điều này đối với một đảng có thực lực quả là một điều kiện qui dễ dàng; nhưng trên thực tế tại Việt Nam, chưa có một đảng nào hội đủ điều kiện đó. Vì không đủ điều kiện cho nên chính đảng lại phải bắt đầu hoạt động với một khoảng thời gian 12 tháng để mong đủ điều kiện hợp thức hoá. Do đó, đảng lẽ mọi nỗ lực mà các chính đảng phải dành vào công việc đấu tranh chính trị với cộng sản trong một giai đoạn cực kỳ nghiêm trọng, lại phải bắt buộc biến thành nỗ lực phát triển và củng cố nội bộ, mà đứng trên phương diện Quốc gia xét ra không cần thiết. Như vậy, chúng ta có thể kết luận điều khoản này trong giai đoạn hiện tại đã làm suy giảm tinh thần đấu tranh chính trị với Cộng sản.

- Điều 3 Sắc Luật 060-TT/SLU quy định: "Trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày ban hành Sắc Luật này, các chính đảng đã được cấp phải lái hay chính đảng đã được hợp thức hóa, phải hợp thức hóa theo Điều 10 (mới) và Điều 11 Luật số 009/69 sửa đổi bởi Sắc Luật này."

Việc ấn định một thời gian 3 tháng kể cho các chính đảng hợp thức hoá quả thật là một điều quá khắt khe và bộp chộp chính đảng, đã làm cho trong thực tế một số đồng chính đảng không đủ điều kiện hợp thức hoá, do đó đi trở thành một chính đảng bất hợp pháp.

Chúng ta biết rằng, bất cứ một sự sửa đổi nào trong lãnh vực chính trị cũng cần phải có một thời gian để trải nghiệm. Bởi thế cho nên, với thời gian 3 tháng để hoạt động trong trạng thái cực bô sang một hình thức bao quát quả là một thời gian quá ngắn. Đó là chưa kể đến tình trạng thiếu thôn tãi chánh của chánh đảng Việt Nam.

Với điều khoản vừa nêu, chính quyền đã đưa chánh đảng vào thế bất buộc phải dồn mọi nỗ lực vào việc phát triển nội bộ, quên đi nhiệm vụ cấp bách là đấu tranh chính trị với Cộng sản. Ta cũng phải đề cập đến một số chánh đảng sau một thời gian hoạt động ráo riết để rồi không đủ điều kiện hợp thức hoá và trở nên chống chính quyền, gây phân hoá trong hàng ngũ quốc gia.

- Sắc luật tu chính quy chế chánh đảng đã qui định cho các ứng cử viên trong các cuộc bầu cử phải có sự đề cử của chánh đảng, nhưng lại không đặt điều kiện cho các vị đó có một nghĩa vụ gì đối với các chánh đảng một khi họ đắc cử. Vì thế cho nên, chúng tôi nghĩ rằng một khi đắc cử, với nguyên do nào đó các vị Dân Biểu hay Nghị Sĩ có thể nhảy đi các chánh đảng khác, như thế sẽ đưa tới sự tranh chấp mua chuộc đảng viên giữa các chánh đảng đối với các vị dân cử, hầu chánh đảng có đủ một túc số luật định. Chúng tôi nghĩ, đây có thể là một đặc ân của chính quyền đối với các vị dân cử hiện tại và như thế quả là một sự mua chuộc khiến dư luận không mấy đẹp cho chính quyền và ngay cả cái Quốc Hội đã bị dân chúng chỉ trích là bị mua chuộc theo đuôi chính quyền. Một khi hai cơ quan Hành Pháp và Lập Pháp đã bị nghi ngờ thì e rằng công việc đoàn kết Quốc gia đấu tranh chính trị với Cộng sản khó có thể thực hiện.

Đứng trước sự gia tăng hoạt động của Cộng sản, trước những lời đe dọa của Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hòa, khiến người ta có cảm tưởng rồi đây chiến tranh Việt Nam sẽ lại bùng phát và giải pháp quân sự lại phải thay thế cho giải pháp chính trị đã được triệu tập tại hòa đàm Ba Lê. Tuy nhiên, dù ở hoàn cảnh nào chăng nữa vẫn để đấu tranh chính trị với Cộng sản cũng là một vấn đề thiết yếu mà chúng ta cần phải lưu tâm.

Chính vì trước đây nhà cầm quyền miền Nam đã không mấy lưu tâm đến vấn đề chính trị trong công cuộc chống Cộng sản xâm

lãng, cho nên chúng ta đã phải lung tung trước một giải pháp chính trị cho cuộc chiến được thoả thuận tại hòa đàm Ba Lê.

Trước sự chia rẽ trầm trọng của nhân dân, của các đoàn thể chính trị, các nhà lãnh đạo đã phải áp dụng những biện pháp có tính cách ví vữa khâu kết chặt quốc dân thành một khối để đường đầu với Cộng sản trong giai đoạn này. Diễn hình của những biện pháp chúng ta có thể kể đến các Sắc Luật mà Tổng Thống đã ban hành, trong đó có hai Sắc Luật liên quan đến chánh đảng mà chúng tôi đã mô tả, phân tích ở hai chương đầu.

Các nhà lãnh đạo tưởng rằng quy tắc của các Sắc Luật có thể quy tụ mọi người thành một khối duy nhất. Tuy nhiên, trên thực tế, việc làm đó đã không mang lại kết quả mong muốn mà còn tạo thêm sự chia rẽ trong hàng ngũ Quốc gia mà thôi. Riêng về những Sắc Luật tu chính quy chế chánh đảng trên lý thuyết quả thật là công trình của các vị lãnh đạo đương thời, nhưng chỉ thành công trong một quốc gia không có chiến tranh hay có chiến tranh mà chiến tranh còn trong giai đoạn của sự thù hằn về quân sự. Một thí dụ điển hình là Đại Hàn đã thành công trong việc tạo một hệ thống đa đảng tiết chế điều hợp. Tình trạng Việt Nam trong lúc này, việc cho ra đời một quy chế chánh đảng mới hay những tu chính quy chế chánh đảng có tính cách thay đổi một hệ thống chánh đảng thật là một việc làm không hợp lý, đã làm tổn thương đến sự đoàn kết quốc gia, mà những nguyên do chúng tôi đã trình bày trong đoạn trên. (Nguyên tắc định chế hóa chánh đảng và cuộc đấu tranh chính trị).



THƯ-TỊCH

A .SÁCH -

- Maurice DUVERGER ,Los parties politique 5e Ed.Paris Armand Colin 1967.
- Nguyễn Văn ĐÔNG ,Luật Hiến Pháp và Chính Trị Học, Thư Lâm Ấn quán, 1966.
- Nguyễn Tiến HỮ ,Văn Đố Đãi Lập Chính Trị , Chính Đàng ,Saigon 1972.
- Trần Hoài TRẦN ,Các Lực Lượng Chính Trị , Chính Đàng ,Saigon 1972.
- Phạm Văn SÔI ,Việt Nam Tranh Đấu Sứ , Việt Cường , 1959 .
- Trần Văn TUYẾN ,Đảng phái Chính trị , Giảng văn Viện Đại Học ĐàLat 1966-1967.

B .VĂN KIẾN -

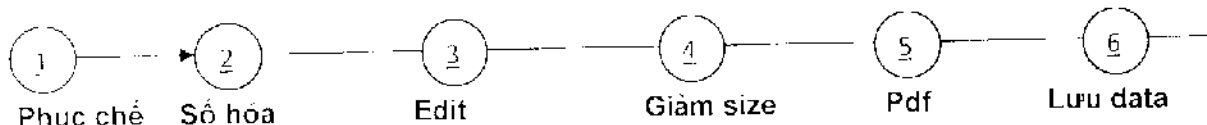
- Qui Chế Chánh Đàng. 19-6-69.
- Dự số 10 ngày 6-8-1950.
- Sắc Luật 012TT/SLU ngày 16-9-72.
- Sắc Luật 060TT/SLU ngày 27-12-72.
- Thông cáo Bộ Nội Vụ ngày 28-1-1964.
- Nghị Định số 807/ND/NV ngày 1-8-70.
- Các Biên bản thảo luận về qui chế chánh đàng của Quốc Hội Tưởng viên.
- Tuyên Ngôn của Đàng Đại Việt Cách Mạng .

C .NHẬT BÁO -

Chính Luận - Thăng Tiên - Quật Cường -

I. Thông tin về tài liệu

Ký hiệu: 4VHC...385 Tên tài liệu: Quy chế chính Đảng hiện hành tại
 - Loại tài liệu: LA Kích thước, số trang: 50 tr
 Người giao: B.Q Người, ngày nhận: Quá 03.05.13 VN. CH
 Hợp đồng Kế hoạch Khác (tự nhân):
 - Yêu cầu scan
 Bình thường Cần file Raw Khác:



II. Phục chế trước số hóa:

- Kỹ thuật:
 - Người thực hiện: Thời gian:

III. Kỹ thuật số hóa áp dụng

Camera . Người thực hiện: Thời gian: Kỹ thuật:
 Bookeys. Người thực hiện: Thời gian: Kỹ thuật:
 Proserv. Người thực hiện: Thời gian: Kỹ thuật:
 Khác: Người thực hiện: Tân Thời gian: 7/5/13 Kỹ thuật:

IV. Xử lý sau số hóa: (tên/ thời gian)

Edit Giảm size PDF

IV. Lưu dữ liệu/ Biên mục

Không phục vụ Phục vụ hạn chế Phục vụ rộng rãi
 Lưu dữ liệu (tên/ ngày lưu)